

Số: 110/BC-UBND

Bắc Giang, ngày 03 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH BẮC GIANG	Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2021
ĐẾN số: 5904	
Ngày: 4/12/2020	
Chuyên: T. kinh tế - xã hội	

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

Bước vào năm 2020 với rất nhiều nhiệm vụ quan trọng; các cấp, các ngành tập trung cao chuẩn bị, tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; triển khai xây dựng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050. Trong khi đó, thời tiết liên tục diễn biến bất thường, dịch tả lợn châu Phi tiềm ẩn nguy cơ tái bùng phát, đặc biệt dịch Covid-19 xảy ra trên phạm vi toàn cầu đã gây ảnh hưởng nặng nề về kinh tế, xã hội cả nước nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng; dịch bệnh đã làm chuỗi cung ứng bị gián đoạn, sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại, giao thông vận tải, kho bãi, giáo dục và đào tạo, y tế... chịu ảnh hưởng nghiêm trọng; nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, hoạt động cầm chừng, thu hẹp sản xuất; đời sống người dân bị đảo lộn.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã quán triệt nghiêm túc quan điểm, chủ trương của Đảng, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chủ động ban hành nhiều kịch bản ứng phó với các diễn biến của dịch bệnh; triển khai đồng bộ, quyết liệt, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo thực hiện “mục tiêu kép”, vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội. Các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh đồng thuận, quyết tâm cao; do vậy, dịch bệnh đã được kiểm soát, các hoạt động sản xuất kinh doanh nhanh chóng hồi phục; đời sống, sinh hoạt của người dân trở lại bình thường. Các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 đã đạt được kết quả toàn diện, nổi bật trên nhiều lĩnh vực, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. LĨNH VỰC KINH TẾ, ĐẦU TƯ VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong điều kiện khó khăn, kinh tế của tỉnh vẫn đạt được mức tăng trưởng khá cao, là điểm sáng về tăng trưởng và phục hồi kinh tế, tốc độ tăng trưởng cả năm đứng đầu toàn quốc, ước đạt 13,02%, trong đó, công nghiệp – xây dựng tăng 18,7% (công nghiệp tăng 19,9%, xây dựng tăng 11,4%); dịch vụ tăng 1,3%; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 6,7%, thuế sản phẩm tăng 6,7%¹.

Sau những tháng đầu năm bị đình trệ do dịch bệnh, ngành công nghiệp đã

¹ Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 13,9%, trong đó công nghiệp – xây dựng tăng 21,9% (công nghiệp tăng 23,8%, xây dựng tăng 12,8%); dịch vụ tăng 6,3%; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,8%, thuế sản phẩm tăng 10,6%.

nhanh chóng hồi phục tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng khi đóng góp tới 10,6 điểm phần trăm; tiếp theo là xây dựng và ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đều góp 1 điểm phần trăm; ngành dịch vụ 0,3 điểm phần trăm và thuế sản phẩm 0,1 điểm phần trăm. Năng suất lao động xã hội tăng 9,9%, ước đạt gần 110 triệu đồng².

Quy mô GRDP của tỉnh ước đạt 123.605 tỷ đồng, tương đương khoảng 5,3 tỷ USD. Do tác động của dịch bệnh, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch nhẹ từ lĩnh vực dịch vụ sang các lĩnh vực khác; cụ thể, tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 2,2% lên 58,3% (*công nghiệp tăng 2% lên 49,7%, xây dựng tăng 0,1% lên 8,6%*); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,2% lên 17,5%, khu vực dịch vụ giảm 3,2% xuống còn 24,2%. GRPD bình quân đầu người đạt 2.900 USD, tăng 14,2% so với năm 2019³.

2. Công nghiệp - Xây dựng

2.1. Sản xuất công nghiệp

Trước tác động tiêu cực từ dịch Covid - 19, UBND tỉnh đã tăng cường chỉ đạo các ngành, địa phương thường xuyên theo sát, nắm chắc tình hình, kịp thời thực hiện các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng các KCN, CCN gắn với tăng cường thực hiện các giải pháp thu hút đầu tư. Tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ đã cho phép triển khai thành lập 02 KCN - Đô thị - Dịch vụ Yên Lư và Bắc Lũng với tổng diện tích 1.395ha. UBND tỉnh đã ban hành Bộ tiêu chí lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh. Thành lập 05 cụm công nghiệp và mở rộng 01 CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng⁴. Đã thực hiện bồi thường, GPMB KCN Quang Châu 41ha, KCN Hòa Phú 50ha, Khu phía Nam KCN Song Khê - Nội Hoàng 9ha.

Dù chưa phục hồi hoàn toàn, song sản xuất công nghiệp của tỉnh vẫn tăng trưởng khá toàn diện trên cả 03 thành phần kinh tế và 04 ngành sản xuất. Chỉ số IIP cả năm đạt mức tăng 19,4% so với năm 2019. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 20,3% so với năm 2019, quy mô (*giá hiện hành*) đạt trên 266.040 tỷ đồng, bằng 96,7% kế hoạch. Theo thành phần kinh tế, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng cao nhất đạt 23%, chiếm 86,4% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh, tăng 2,2%; khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 7,4%, khu vực ngoài nhà nước tăng 1,8%. Theo các ngành kinh tế, ngành sản xuất và phân phối điện có mức tăng cao nhất, đạt 25,5%, tiếp đến là ngành chủ lực chế biến, chế tạo (*chiếm tỷ trọng 98,1%, tăng 0,1%*) tăng 20,4%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,6%; ngành khai khoáng tăng 2,8%.

Bên cạnh các doanh nghiệp lớn hoạt động ổn định như: Fuhong, Hosiden, SiFlex, Vina Solar Technology, EMW... và một số dự án mới đi vào hoạt động có giá trị sản xuất lớn như: Công ty TNHH Luxshare-IC; Công ty TNHH Hana Micron, công ty TNHH Alpha Green Tech; Dự án hữu nghị 2 của Công ty TNHH

² Trong đó, năng suất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng cao nhất đạt 13%, công nghiệp - xây dựng tăng 9,6%, dịch vụ giảm 6,2%.

³ Năm 2015 đạt 1.530 USD, bằng 72,3% bình quân toàn quốc, năm 2019 đạt 2.540 USD, bằng 92,6%; năm 2020 đạt 2.900 USD, bằng 105,5% (GDP bình quân chung toàn quốc năm 2020 khoảng 2.750 USD).

⁴ Gồm: CCN Trung Sơn - Ninh Sơn (75ha); CCN JUTECH (75ha); CCN Lan Sơn 2 (75ha); Đang tiến hành các bước để thành lập CCN Lăng Cao (48ha) và CCN Tiên Hưng (31,6ha), dự kiến thành lập trong năm 2020; mở rộng CCN Nghĩa Hòa từ 26,5ha lên 66ha. Tính đến nay, toàn tỉnh có 43 CCN, 26/43 CCN có chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng là doanh nghiệp, tổng diện tích là 1.609,3 ha. Trong đó có 10 CCN đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Fuhong Precision Component ... có đóng góp lớn vào tăng trưởng của tỉnh⁵. Tuy vậy, các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn gặp khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải sản xuất cầm chừng, cắt giảm quy mô, một số doanh nghiệp phải giải thể⁶.

2.1. Xây dựng

Hệ thống văn bản QPPL về xây dựng được tập trung xây dựng⁷. Công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch tiếp tục chuyển biến tích cực, các đồ án quy hoạch sau khi được phê duyệt đã được công bố, công khai và đưa mốc giới ra thực địa để quản lý, góp phần đảm bảo chất lượng kiến trúc, cảnh quan và môi trường đô thị, tạo ra động lực mới cho phát triển⁸. Bên cạnh đó, công tác quản lý quy hoạch, cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng được tăng cường đã góp phần nâng cao chất lượng công trình xây dựng, duy trì nề nếp trong hoạt động xây dựng; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị.

Dù gặp khó khăn song nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vẫn được tập trung khơi thông. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước được tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ. Các công trình xây dựng chủ yếu là nhóm dự án cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng như: Công trình giao thông, thủy lợi, y tế ... Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp, dự án mới triển khai đầu tư xây dựng nhà xưởng, hạ tầng...; nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân tăng đáng kể, đã góp phần làm cho giá trị sản xuất xây dựng tăng 9,9%, ước đạt 39.435 tỷ đồng, vượt 3,5% kế hoạch.

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp diễn ra trong điều kiện thời tiết diễn biến bất thường với nền nhiệt cao hơn so với trung bình nhiều năm, xảy ra các đợt mưa to kèm theo giông lốc, mưa đá; dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp; giá cả và thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản không ổn định, giá các loại vật tư nông nghiệp tăng... Song, nhờ triển khai đồng bộ, kịp thời nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, hỗ trợ cho sản xuất, nên sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn đạt kết quả toàn diện, nổi bật, khẳng định vững chắc vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế. Sản xuất với quy mô lớn, có sự hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị kết hợp với áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, GlobalGAP, UDCNC,... được nhân rộng, mang lại hiệu quả; giá trị, thương hiệu các sản phẩm nông sản của tỉnh ngày càng được khẳng định. Giá trị sản xuất toàn ngành tăng 6,7%, ước đạt 36.500 tỷ đồng, vượt 9,8% kế hoạch. Cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế và đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tỷ trọng ngành nông nghiệp tăng 1,9% lên 90,5; thủy sản giảm 1% còn 5,2%, lâm nghiệp giảm 0,9% còn 4,4%.

⁵ GTSX của 23 doanh nghiệp FDI lớn đạt 163.105 tỷ đồng, chiếm 61,3% GTSX công nghiệp toàn tỉnh, trong đó riêng công ty Fuhong đạt 31.810 tỷ đồng, chiếm 12%, Công ty TNHH Luxshare-ICT đạt 27.660 tỷ đồng, chiếm 10,62%, công ty Vina Solar Technology 23.010 tỷ đồng, chiếm 8,7%...

⁶ Riêng Ban QL các KCN đã chấm dứt hoạt động của 09 dự án trong đó có 03 dự án vi phạm quy định về đầu tư và 06 dự án thu hồi theo đề nghị của nhà đầu tư và 02 dự án hiện chủ doanh nghiệp đang bỏ trốn. Doanh thu của các doanh nghiệp trong KCN chỉ tăng 1,2% so với năm 2019, ước đạt 178.000 tỷ đồng; giá trị xuất khẩu giảm 15,5% so với năm 2019, nhập khẩu tăng 32,6%.

⁷ Như: Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý và thực hiện dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 về việc ban hành giá dịch vụ nghĩa trang...

⁸ Đã phê duyệt 01 đề án đô thị loại IV (thị trấn Đồi Ngô), 04 đề án đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; điều chỉnh 08 đồ án quy hoạch chung; 60 nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng; 50 đồ án quy hoạch chi tiết; 25 nhiệm vụ, 40 đồ án quy hoạch chi tiết của UBND cấp huyện; rà soát điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng các Khu đô thị theo Thông báo số 719-TB/TU ngày 20/12/2019..

3.1. Nông nghiệp

- *Trồng trọt*: Chính sách hỗ trợ sản xuất ứng dụng công nghệ cao tiếp tục phát huy hiệu quả, góp phần làm thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp. Hình thức tổ chức sản xuất quy mô lớn, sản xuất hàng hóa tập trung quy mô từ vài chục ha đến vài chục nghìn ha với một số loại cây trồng chủ lực như: Lúa chất lượng, rau chế biến rau an toàn, vải thiều, cam, bưởi,... ngày càng phổ biến. Đến nay, đã hình thành 163 mô hình cánh đồng mẫu trồng lúa, rau với diện tích 5.159 ha. Có 66 cơ sở được cấp Giấy chứng nhận VietGAP, GlobalGAP với diện tích trên 2.027ha⁹; tỷ lệ rau, cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP đạt kế hoạch đề ra, lần lượt đạt 33,3%, tăng 0,8% và 53,3%, tăng 2,5%. Giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp cao hơn bình quân chung cả nước, đạt 120 triệu đồng, tăng 14,3%, vượt 9,1% (*bình quân cả nước 97 triệu đồng/1ha*). Sản lượng lương thực có hạt đạt trên 630 nghìn tấn, bằng 100% kế hoạch. Tỷ trọng ngành trồng trọt giảm 1,9% so năm 2019, còn 53,2%.

- *Chăn nuôi*: Công tác nắm bắt tình hình, kiểm soát phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi được quan tâm, thực hiện hiệu quả; dịch tả lợn châu Phi đã được kiểm soát tốt. Các mô hình sản xuất hiện đại theo chuỗi khép kín, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được đẩy mạnh. Tỷ lệ chăn nuôi trang trại, gia trại và an toàn sinh học theo hướng VietGAP đối với chăn nuôi lợn đạt 43% và đối với gà đạt 46%. Đàn vật nuôi phát triển ổn định; đàn lợn đã dần phục hồi về mức 1 triệu con. Bên cạnh hai đối tượng vật nuôi chủ lực là lợn, gà, các đối tượng vật nuôi khác như: Trâu, bò, ngựa bạch, dê, thỏ, ong mật,... cũng phát triển tùy theo lợi thế từng vùng đã góp phần đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao giá trị sản xuất. Sản lượng thịt hơi các loại đạt gần 220 nghìn tấn, tăng 17,4%, đạt 100% kế hoạch. Tỷ trọng ngành chăn nuôi tăng 2,3% so năm 2019, lên 44,8%.

3.2. Thủy sản và công tác thủy lợi, quản lý đê điều

Sản xuất thủy sản có nhiều thuận lợi, các chỉ tiêu chủ yếu đều tăng so với cùng kỳ. Sản xuất theo hướng thâm canh, tiêu chuẩn VietGAP, an toàn sinh học được mở rộng. Toàn tỉnh hiện có 52 vùng nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP, tập trung chủ yếu tại 6 huyện, thành phố gồm: Việt Yên, Lạng Giang, Tân Yên, Yên Dũng, Hiệp Hòa và thành phố Bắc Giang với diện tích khoảng 750 ha; trong đó, có 24 vùng được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP với tổng diện tích 245,9 ha. Sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 47.500 tấn, tăng 3,2%, đạt 100% kế hoạch.

Công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi, duy tu, bảo dưỡng được tăng cường; đã khai thác và đảm bảo an toàn cho 1.300 công trình; thực hiện tưới, tiêu cho trên 76,5 nghìn ha cây trồng các loại. Công tác quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được tăng cường; kịp thời xử lý khắc phục sự cố và xử lý vi phạm.

3.3. Sản xuất lâm nghiệp

Công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ phát triển rừng được quan tâm. Việc quản lý bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp có chuyên biến; tình trạng phát phá, lấn chiếm đất rừng và số vụ vi phạm pháp luật bảo vệ rừng giảm so với cùng kỳ. Trên địa bàn có 2.171 ha được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc tế FSC. Trong năm 2020,

⁹ Trong đó vải là 1.818 ha, rau là 209,56 ha; đã cấp 18 mã số vùng trồng vải thiều xuất khẩu sang Mỹ với diện tích 298 ha và 19 mã vùng trồng vải thiều xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản với diện tích 104 ha, trong đó có 16 cơ sở được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn GlobalGAP với 81 ha.

toàn tỉnh ước trồng được 8.080 ha rừng tập trung, vượt 12,3% kế hoạch. Sản lượng gỗ khai thác đạt 700 nghìn m³, vượt 6,1% kế hoạch. Chế biến gỗ phát triển mạnh, có sản phẩm gỗ sau chế biến xuất khẩu ra thị trường các nước như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,... Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38%, bằng 100% kế hoạch.

3.4. Xây dựng nông thôn mới

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được tập trung chỉ đạo theo hướng nâng cao chất lượng các tiêu chí. Bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới; hạ tầng thiết yếu về giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục... được cải thiện, số hộ nghèo giảm, đời sống người dân được nâng lên. Ước đến 31/12/2020, toàn tỉnh có thêm 10 xã đạt chuẩn (*chỉ tính các xã sau sát nhập*) và 01 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới; lũy kế có 124 xã đạt chuẩn, chiếm 67,4% tổng số xã và 03 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân đạt 16,2 tiêu chí/xã, tăng 0,4 tiêu chí/xã; 08 xã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao - kiểu mẫu; 73 thôn được công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu; có 54 sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP và 50 sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng đạt, trong đó có 46 sản phẩm đạt từ 3 sao cấp tỉnh trở lên.

4. Thương mại, dịch vụ

Dịch vụ bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất do tác động của dịch Covid – 19, song đã từng bước hồi phục, nhất là trong những tháng cuối năm. Công tác quản lý thị trường, các hoạt động thương mại được tập trung; trong thời điểm chống dịch, không xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá đột biến gây bất ổn thị trường. Giá trị sản xuất khu vực dịch vụ tăng 0,4%, giá trị ước đạt 39.945 tỷ đồng, bằng 89,2% kế hoạch.

4.1. Hoạt động thương mại

Hạ tầng thương mại, mạng lưới bán buôn, bán lẻ; các mô hình trung tâm thương mại, siêu thị tiếp tục được củng cố, phát triển theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân¹⁰. Công tác quản lý, xúc tiến thương mại được chú trọng với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả, đặc biệt trong công tác xúc tiến tiêu thụ vải thiều¹¹. Đã ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; Kế hoạch thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và liên minh châu Âu (EVFTA); Kế hoạch phát triển thương mại điện tử, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch nâng cao năng lực xuất khẩu hàng hoá, giai đoạn 2021-2025.

Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được tăng cường. Giá cả thị trường tương đối ổn định; đặc biệt trong thời điểm chống dịch, không xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá đột biến gây bất ổn thị trường. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 5,4% so với năm 2019. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 29.360 tỷ đồng, giảm 0,1%, đạt 89,5% kế hoạch.

Sau những tháng đầu năm bị gián đoạn, hoạt động xuất nhập khẩu đã nhanh chóng phục hồi; nguyên phụ liệu một số sản phẩm chủ yếu như: May mặc, điện tử, sản xuất thiết bị điện, sản xuất sản phẩm từ plastic... đã được cung ứng, cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất. Giá trị xuất khẩu ước đạt 11,2 tỷ USD, tăng 50,5% so năm 2019, vượt

¹⁰ Toàn tỉnh hiện có 8 trung tâm thương mại, 9 siêu thị, 133 chợ (01 chợ đầu mối, 01 chợ hạng 1, 20 chợ hạng 2, 111 chợ hạng 3).

¹¹ Giá trị doanh thu từ quả vải đạt gần 7.000 tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay.

18% kế hoạch,; nhập khẩu đạt 10,6 tỷ USD, tăng 51,7%, vượt 15% kế hoạch.

Các đối tác thương mại chính của các doanh nghiệp trong tỉnh là: Trung Quốc, sau đó là Hàn Quốc, Mỹ, Ấn Độ, Tây Ban Nha, Đài Loan, Nhật Bản... Sản phẩm nhập khẩu phần lớn là nguyên liệu cho sản xuất xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu đối với các sản phẩm chính như: dệt may, da giày; máy tính, sản phẩm điện tử, điện thoại và linh kiện các loại; thiết bị điện; sản phẩm từ chất dẻo...

4.2. Dịch vụ tài chính, ngân hàng

Những tháng đầu năm 2020, hầu hết các hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ đã làm khả năng hấp thụ vốn của các doanh nghiệp giảm mạnh; tăng trưởng tín dụng Quý I thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Các ngân hàng thương mại đã triển khai kịp thời các giải pháp tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp¹²; bên cạnh đó, từ cuối tháng 4 các hoạt động kinh tế đã từng bước hồi phục, dư nợ tín dụng đã tăng trở lại. Ước đến 31/12/2020, tổng nguồn vốn tín dụng huy động trên địa bàn đạt 67.485 tỷ đồng, tăng 19,1%; dư nợ cho vay đạt 58.550 tỷ đồng, tăng 10,4%; nợ xấu là 397 tỷ đồng, chiếm 0,86% tổng dư nợ, giảm 295 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019.

4.3. Dịch vụ giao thông vận tải và bưu chính, viễn thông

Hạ tầng giao thông tiếp tục được tập trung đầu tư nâng cấp; nhiều dự án giao thông đã hoàn thành đưa vào sử dụng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vận chuyển, đi lại của người dân. Trung tâm Logistics quốc tế thành phố Bắc Giang, một số dự án cảng đường sông được tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ... Những tháng đầu năm 2020, hầu hết các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đều gặp khó khăn; số doanh nghiệp, hộ kinh doanh vận tải quy mô vừa và nhỏ có nguy cơ giải thể cao¹³. Đến nay, ngành vận tải đã hồi phục, song các chỉ tiêu đều thấp hơn cùng kỳ và không đạt kế hoạch năm; khối lượng vận chuyển hành khách đạt 21,7 triệu lượt người, đạt 63,8% kế hoạch%; khối lượng vận chuyển hàng hóa 23,3 triệu tấn, đạt 68,5% kế hoạch.

Hạ tầng, mạng lưới bưu chính viễn thông phát triển đảm bảo đúng quy hoạch, theo hướng hiện đại. Việc liên kết sử dụng chung hạ tầng, ngầm hóa cáp viễn thông đạt kết quả tích cực; chất lượng các dịch vụ tốt hơn; tình trạng tin nhắn rác, lừa đảo giảm đáng kể. Thông tin liên lạc thông suốt, đáp ứng yêu cầu trong chỉ đạo điều hành và nhu cầu của nhân dân. Toàn tỉnh hiện có 5 mạng thông tin di động với tổng số 1.417 trạm thu phát sóng, bán kính phục vụ 1,15km/cột. Tỷ lệ phủ sóng di động 3G, 4G đạt 100% các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh; đã hoàn thành Đề án số hóa truyền hình tại địa bàn huyện Lục Ngạn, huyện Sơn Động và 09 xã thuộc huyện Lục Nam. Tổng doanh thu bưu chính, viễn thông năm 2020 ước đạt 2.355 tỷ đồng, bằng 106,8% so với năm 2019.

4.4. Dịch vụ du lịch

Công tác quảng bá, phát triển du lịch được tiếp tục được quan tâm. Tập trung đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, thu hút các dự án đầu tư phát triển du lịch. Triển khai khảo sát “*Con đường bộ hành của các Phật Tử thiền phái Trúc Lâm Yên Tử*”; lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận ATKII – Hiệp Hòa là di tích quốc

¹² Đã gia hạn thời hạn trả nợ cho 1.381 khách hàng với dư nợ trên 1.557 tỷ đồng, giảm lãi xuất cho 3.379 khách hàng với dư nợ được giảm là 9.662 tỷ đồng.

¹³ Toàn tỉnh hiện có 2.834 đơn vị kinh doanh vận tải. Số doanh nghiệp, hộ kinh doanh vận tải có nguy cơ phải giải thể ước tính chiếm khoảng 30% khoảng 850 đơn vị.

gia đặc biệt; công nhận 03 điểm du lịch cấp tỉnh¹⁴; phát động chương trình “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam” với chủ đề “*Bắc Giang mùa trái ngọt*”. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hơn 440 lễ hội truyền thống, trên 20 hoạt động, sự kiện lớn trong Tuần văn hóa - du lịch và các khu, điểm du lịch, các cơ sở kinh doanh lưu trú đã phải giảm quy mô, đóng cửa, dừng hoạt động một thời gian... Đã ảnh hưởng lớn đến phát triển du lịch. Lượng khách du lịch đạt khoảng 790 nghìn lượt, bằng 31,6% kế hoạch.

5. Thu, chi ngân sách nhà nước

Công tác thu ngân sách được triển khai đồng bộ, quyết liệt, vừa đảm bảo thu đúng, đủ kịp thời các khoản thu, vừa thực hiện các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người nộp thuế do ảnh hưởng của dịch bệnh. Tập trung đánh giá khả năng thu của từng sắc thuế, dự báo hụt thu do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và đề ra các biện pháp tăng thu, bù đắp hụt thu. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu ngân sách nhà nước, chống chuyển giá theo phương pháp phân tích rủi ro. Triển khai rà soát, đánh giá một số nguồn thu chưa được quản lý chặt chẽ, như: Thu từ kinh doanh bất động sản, chuyển nhượng vốn, các khoản thu từ đất... Đồng thời, đẩy mạnh các biện pháp thu nợ thuế, đến 30/10/2020 đã thu hồi được 955,7 tỷ đồng¹⁵; số nợ đọng thuế đến 31/12/2020 dự kiến không quá 590 tỷ đồng, chiếm khoảng 5% tổng thu ngân sách.

Trong bối cảnh khó khăn song thu ngân sách nhà nước vẫn vượt dự toán năm. Tổng thu ước đạt 10.584 tỷ đồng, giảm 12,2% so với năm 2019, bằng 103,8% dự toán; trong đó, thu xuất nhập khẩu đạt 1.095 tỷ đồng, giảm 7,8%, bằng 82,4%, thu ngân sách nội địa đạt 9.489 tỷ đồng, giảm 12,7%, bằng 107% dự toán. Có 14/16 khoản thu nội địa đạt và vượt dự toán, riêng thu từ đất đạt 4.520 tỷ đồng, vượt 13%; còn 02 khoản thu không đạt dự toán (*thu lệ phí trước bạ 447,3 tỷ đồng, bằng 79,9%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản 18 tỷ đồng, bằng 54,5% dự toán*).

Chi ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, trọng tâm theo dự toán, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ đột xuất phát sinh, như việc phòng, chống dịch Covid-19, dịch tả lợn châu Phi. Tổng chi ước đạt 23.366 tỷ đồng, giảm 0,8% so với cùng kỳ, bằng 136,1% dự toán; trong đó chi đầu tư phát triển 9.220 tỷ đồng, tăng 31,5% so với cùng kỳ, bằng 145,7% dự toán (*chiếm 39,5% tổng chi, tăng 9,7%*).

6. Đầu tư phát triển

Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh phát huy hiệu quả đã huy động được nhiều nguồn lực cho nền kinh tế. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội cả năm ước đạt 59.610 tỷ đồng, tăng 12,2%, bằng 91,9% kế hoạch¹⁶.

6.1. Đầu tư công

Công tác quản lý, thực hiện kế hoạch đầu tư công được thực hiện đúng quy định; các nguồn vốn được giao chi tiết sớm hơn so với năm 2019; quá trình thực hiện thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nguồn vốn phù hợp, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

¹⁴ Điểm du lịch Xương Giang; điểm cây Dã Hương, đình, đền chùa Tiên Lục; điểm vườn bonsai Neogarden.

¹⁵ Trong đó, thu nợ năm 2019 chuyển sang tính đến thời điểm 30/9/2020: 165,6 tỷ đồng (bằng 37,98% trên số nợ có khả năng thu của năm 2019 chuyển sang), thu nợ phát sinh năm 2019 là 790 tỷ đồng.

¹⁶ Trong đó: Vốn khu vực nhà nước đạt 10.055 tỷ đồng, tăng 26,3%; vốn đầu tư khu vực dân cư 22.995 tỷ đồng, tăng 12,9%; vốn khu vực đầu tư nước ngoài đạt 18.985 tỷ đồng, tăng 6%; vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong nước 7.575 tỷ đồng, tăng 9,8%.

Công tác chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư công được quan tâm chỉ đạo. Đã tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2016-2020; rà soát xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2021 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025, nhất là các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn ODA, giai đoạn 2016-2020 và nhu cầu chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025. Chủ động chuẩn bị các điều kiện, thủ tục đầu tư cho các dự án khởi công mới trong dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025 và năm 2021.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020; đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư thường xuyên nắm chắc tiến độ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án lớn, trọng điểm; đồng thời, hoàn thành các thủ tục để khởi công mới các dự án năm 2020. Do vậy, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020 cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công đến nay đạt 7.570 tỷ đồng (*trong đó, nguồn vốn do tỉnh quản lý là 7.397 tỷ đồng, vốn bộ, ngành Trung ương là 173,7 tỷ đồng*); ước đến ngày 31/12/2020, giá trị giải ngân đạt 7.140 tỷ đồng, bằng 96,4% kế hoạch¹⁷. Bên cạnh một số công trình lớn đã hoàn thành đưa vào sử dụng chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp, một số dự án khác có tiến độ thực hiện khá như: Khôi nhà trung tâm, khôi nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang; các dự án đầu tư trung tâm y tế tuyến huyện; các dự án giao thông khởi công mới nâng cấp, mở rộng đường gom bên phải tuyến cao tốc Bắc Giang - Hà Nội, đoạn từ cầu vượt QL17 đến cầu vượt QL37; cải tạo, nâng cấp ĐT295B đoạn từ Nhà máy gạch Tân Xuyên đến đường Vành đai Đông Bắc thành phố Bắc Giang...

6.2. Đầu tư ngoài ngân sách

Trong bối cảnh khó khăn, song nguồn vốn đầu tư của người dân và khu vực doanh nghiệp vẫn có mức tăng khá. Đầu tư từ doanh nghiệp trong nước đạt 7.575 tỷ đồng, tăng 9,8%; doanh nghiệp FDI 18.985 tỷ đồng, tăng 6%; khu vực dân cư 22.995 tỷ đồng, tăng 12,9%. Hạ tầng giao thông được đầu tư nâng cấp; hạ tầng các KCN, CCN tiếp tục có nhiều cải thiện; hạ tầng đô thị được đẩy mạnh, bộ mặt đô thị được cải thiện, ngày càng khang trang, hiện đại. Tỷ lệ dân số đô thị ước đạt 21,7%.

Hạ tầng giao thông được cải thiện góp phần kết nối, tạo cảnh quan thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các dự án đầu tư theo hình thức BT được tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ; dự án đường trục CCN Nghĩa Hoà, huyện Lạng Giang¹⁸, Dự án Đầu tư Nâng cấp, cải tạo tuyến ĐT292 huyện Lạng Giang, Dự án xây dựng đường vành đai thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn đang quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

Hạ tầng các KCN, CCN được tập trung hỗ trợ bồi thường, GPMB, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, xây dựng hệ thống xử lý nước thải. Đến nay, KCN Đình Trám đã hoàn thiện việc nâng cấp đưa trạm xử lý nước thải từ cột B lên cột A vào hoạt động; KCN Quang Châu đã giải phóng được thêm 41ha, lũy kế 371ha; KCN Vân Trung đã cơ bản hoàn thành bồi thường, GPMB; cơ bản hoàn thành hạ tầng kỹ thuật; KCN Song Khê - Nội Hoàng dự kiến đến hết năm sẽ hoàn thành bồi thường, GPMB phần diện

¹⁷ Một số nguồn vốn giải ngân không đạt kế hoạch vốn như: vốn ngân sách tỉnh bổ sung 60%, xổ số kiến thiết 44%, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 90%; Vốn ODA cấp phát từ TW 91,7%...

¹⁸ Đã cơ bản hoàn thành, đã giao đất thanh toán dự án khoảng 79%.

tích mở rộng; KCN Hoà Phú giải phóng được thêm 50ha, lũy kế 160 ha và đầu tư hạ tầng kỹ thuật khoảng 145ha; KCN Việt Hàn đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư. Toàn tỉnh hiện có 43 CCN¹⁹, hiện có 10 cụm đã có hệ thống nước thải, các cụm tập trung hoàn thiện hạ tầng để thu hút đầu tư.

Hạ tầng đô thị tiếp tục được quan tâm đầu tư, bộ mặt đô thị được cải thiện, ngày càng khang trang, hiện đại. UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án cần thực hiện đầu tư; phê duyệt hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị tại một số khu đô thị thuộc các huyện; chỉ đạo kiểm tra chất lượng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư mới; đôn đốc các chủ Đầu tư, UBND các huyện, thành phố Bắc Giang đẩy nhanh tiến độ dự kiến đến cuối năm hoàn thành 05 dự án khu đô thị, khu dân cư mới. Việc triển khai các dự án nhà ở cho công nhân được hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển. Chỉ đạo xây dựng Đề án phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân; đã hoàn thành 02 dự án nhà ở xã hội: Tòa nhà 15 tầng dự án nhà ở xã hội khu dân cư số 1, thành phố Bắc Giang; Tòa A11, A13, A15 dự án nhà ở xã hội Vân Trung, huyện Việt Yên.

6.3. Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

a. Cải thiện môi trường đầu tư

Công tác cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được tập trung cao, với nhiều cách làm mới, quyết liệt và hiệu quả. Đã tổ chức thành công hội nghị trực tuyến Phân tích các chỉ số thành phần chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019, giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần PCI năm 2020 tỉnh Bắc Giang với 9 huyện, thành phố, 209 xã, phường, thị trấn cùng với cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước. Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập tổ công tác đặc biệt để tiếp nhận, xử lý thông tin, phản ánh và quan tâm, hỗ trợ doanh nghiệp ở mức cao nhất. Triển khai xây dựng Đề án Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư tỉnh Bắc Giang đến năm 2030; Quy định các tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư... Bên cạnh đó, làn sóng dịch chuyển đầu tư sau dịch Covid - 19 đã mở ra cơ hội thu hút được các dự án đầu tư chất lượng cao; từ đầu năm 2020, đã có trên 960 doanh nghiệp nước ngoài tham gia tìm hiểu cơ hội đầu tư vào tỉnh, tăng 45% so với năm 2019.

b. Kết quả thu hút đầu tư

Tính đến ngày 30/11/2020, toàn tỉnh đã cấp mới và điều chỉnh cho 191 dự án, tổng số vốn đăng ký mới và bổ sung quy đổi đạt 1.249,86 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2019; trong đó, đã cấp mới 87 dự án trong nước (DDI), vốn đăng ký 8.374 tỷ đồng, 29 dự án đầu tư nước ngoài (FDI), vốn đăng ký 334,21 triệu USD; điều chỉnh 17 dự án DDI, vốn bổ sung 415 tỷ đồng và 58 dự án FDI vốn tăng thêm 533,52 triệu USD²⁰. Các ngành, lĩnh vực thu hút đầu tư mạnh trong năm là lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu, tiếp theo là lĩnh vực sản xuất, phân phối điện và kinh doanh bất động sản, bán buôn bán lẻ. Dù tổng vốn đầu tư FDI thấp hơn cùng kỳ, song Bắc Giang vẫn đứng thứ 8 cả nước về tổng vốn thu hút đầu tư FDI (*sau Bạc Liêu, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bà Rịa- Vũng Tàu, Bình Dương, Hải Phòng và Bắc Ninh*). Đã thu hút được một số dự án FDI lớn, có công nghệ hiện đại như: Dự án nhà máy Shunsin Việt Nam, vốn đầu tư 100 triệu USD sản xuất linh kiện điện tử

¹⁹ Trong đó 23 cụm có chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng là doanh nghiệp

²⁰ Lũy kế từ trước đến nay, toàn tỉnh thu hút được 1.304 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký đạt 91.505,4 tỷ đồng và 469 dự án đầu tư FDI với số vốn 6,173 tỷ USD.

sản phẩm chủ yếu là modul thu phát quang học; dự án Nhà máy sản xuất hợp kim Powerway Việt Nam, vốn đầu tư 50 triệu USD sản xuất hợp kim đặc chủng dạng thanh, sợi, dải sử dụng trong lĩnh vực hàng không, không gian, vũ trụ²¹...

Tổ chức triển thực hiện nghiêm túc các biện pháp xử lý các dự án đầu tư theo ý kiến chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 403/HĐND-TH ngày 24/7/2020. Trong 19 dự án chậm tiến độ, đã có 2 dự án đi vào hoạt động, thu hồi chấm dứt hoạt động đối với 02 dự án; trong 6 dự án chưa thực hiện thủ tục về môi trường, đã có 02 dự án hoàn thành theo quy định; đối với 17 các dự án đã được thuê đất nhưng chưa xây dựng, có 02 dự án đã đi vào hoạt động, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với 02 dự án; đối với 11 dự án chưa được giao đất, thuê đất có 11 dự án đã được thuê đất; 02 dự án đã được thuê đất một phần. Các dự án các cơ quan chức năng đang tiếp tục kiểm tra, hướng dẫn để các dự án sớm triển khai thực hiện, đồng thời xử lý nghiêm vi phạm theo quy định.

c. Phát triển doanh nghiệp

Các hoạt động hỗ trợ, đẩy mạnh khởi nghiệp và chuyển đổi mô hình từ hộ kinh doanh sang doanh nghiệp được đẩy mạnh. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới tuy có giảm song vẫn đứng thứ 18/63 tỉnh thành trong cả nước. Tính đến 30/11/2020, toàn tỉnh có 1.219 doanh nghiệp được thành lập mới, giảm 4,3%; tổng số vốn đăng ký là 12.526 tỷ đồng, giảm 3,1% so với năm 2019. Doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ chiếm 47%, lĩnh vực công nghiệp, xây dựng chiếm 50%, lĩnh vực nông, lâm nghiệp chiếm 3%. Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đăng ký kinh doanh qua mạng đạt 80%, tăng 4,5%. Có 245 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 2,1%; có 478 doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động, tăng 24,2%.

Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước được triển khai thực hiện theo kế hoạch; đến nay đã thoái vốn tại 03/12 doanh nghiệp²²; chuyển đổi 02 doanh nghiệp sang Công ty TNHH 2 thành viên Lục Ngạn và Yên Thế; 02 doanh nghiệp còn lại là Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lục Nam và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Mai Sơn đã tiến hành các bước thực hiện.

Các giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển kinh tế tập thể đã mang lại hiệu quả tích cực, số lượng Hợp tác xã (HTX) thành lập mới tiếp tục tăng cao; từ đầu năm 2020 đã có 83 HTX được thành lập mới, trong đó lĩnh vực nông nghiệp là 53 HTX; Lĩnh vực phi nông nghiệp là 30 HTX²³. Các HTX hoạt động ngày càng hiệu quả hơn, theo hướng phục vụ nhu cầu thị trường, đi sâu vào chất lượng, nâng cao hiệu quả, đa dạng hơn, phong phú chủng loại sản phẩm; ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống nhân dân.

7. Công tác quản lý tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý đất đai được tập trung cao. UBND tỉnh đã chú trọng xây dựng, hoàn thiện các quy định nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

²¹ Ngoài ra thu hút được một số dự án DDI lớn như: Dự án Sân golf Việt Yên, tổng số vốn đăng ký là 1.214 tỷ đồng; dự án Sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang (tại các xã Chu Điện, Khám Lạng và Yên Sơn, huyện Lục Nam) vốn đăng ký đạt 739,727 tỷ đồng...

²² Công ty CP Xây dựng giao thông, Công ty cổ phần Nước sạch và Công ty cổ phần Sách giáo khoa và Thiết bị trường học.

²³ Tính đến 15/11/2020 toàn tỉnh có 809 HTX, trong đó: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản là 528 HTX; phi nông nghiệp 261 HTX; quỹ tín dụng nhân dân: 20 quỹ; hiện có 72/809 HTX đang tạm ngừng hoạt động. Toàn tỉnh hiện có 05 liên hiệp HTX đang hoạt động, tổng vốn điều lệ là 142 tỷ đồng, tổng số 28 thành viên. Có 841 tổ hợp tác.

Triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 của BTV Tỉnh ủy; công tác bồi thường, GPMB được tập trung triển khai quyết liệt; trong đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; tổ chức Hội nghị chuyên đề về công tác bồi thường, GPMB các dự án đối với Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Giám đốc các Sở, ngành có liên quan... Nhìn chung, những tồn tại, bất cập trong quản lý đất đai từng bước được khắc phục. Công tác đo đạc bản đồ địa chính, dồn điền, đổi thửa gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chuyển biến tích cực. Kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình vượt kế hoạch đề ra²⁴.

Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được chú trọng, UBND tỉnh đã ban hành Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường; Kế hoạch triển khai quy định hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng các lò đốt rác và hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020-2025. Chủ trương huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường theo Chỉ thị 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được người dân đồng thuận, hưởng ứng tích cực²⁵. Nhiều chỉ tiêu chủ yếu về môi trường đạt kế hoạch đề ra; trong đó tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 90,6%; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom xử lý hợp vệ sinh 74,5%; tỷ lệ nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 78%; mật độ bụi trong không khí đạt 0,28g/m³.

Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản được quản lý chặt chẽ, với nhiều quy định, văn bản chỉ đạo đã được UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành như: Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 07/7/2020, Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 về quy chế phối hợp trong hoạt động quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép cho các trường hợp vận chuyển đất ra ngoài dự án với khối lượng dưới 5.000m³, Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 21/4/2020 về tăng cường các biện pháp quản lý hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh đã chỉ đạo thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tạo minh bạch, nâng cao hiệu quả trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Giáo dục và đào tạo

Quy mô trường, lớp tiếp tục được rà soát, quy hoạch, sắp xếp hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục. Hiện 100% xã, thị trấn đều có đủ 3 cấp học; mỗi huyện có ít nhất 03 trường THPT, 01 trung tâm GDNN-GDTX đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được tăng cường; chỉ tiêu về cơ sở vật chất, trường, lớp học đều đạt kế hoạch đề ra; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 93,2% (mức độ 2 đạt

²⁴ Đã cấp được 1.790 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, đạt 895 kế hoạch; cấp mới 4.924 giấy, cấp đổi 7.057 giấy, đăng ký biến động 39.474 giấy chứng nhận cho các hộ gia đình, cá nhân.

²⁵ Đến nay toàn tỉnh đã 1.340 điểm tập kết rác thải, tăng 765 điểm so với thời điểm ban hành Chỉ thị, 137 xã đã bố trí 198 bãi rác của xã, thôn, tăng 83 bãi rác (còn 72 xã chưa có bãi rác); thành lập 456 công ty, HTX, tổ vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải. Tổng khối lượng rác thải phát sinh toàn tỉnh hiện nay khoảng 823 tấn/ngày, tỷ lệ rác thải được thu gom đạt 88,5%, xử lý đạt 88,4%; đã xử lý 2.300 tấn rác thải tồn lưu tại các điểm tập kết, khu xử lý (hiện còn khoảng 8.200 tấn).

12,2%); tỷ lệ kiên cố hóa toàn tỉnh đạt 92,4%.

Các hoạt động giáo dục các cấp học được triển khai chủ động, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn; đồng thời, đảm bảo yêu cầu trong phòng, chống dịch bệnh. Chất lượng giáo dục toàn diện vẫn được duy trì, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp lớp 12 đạt 99,3%. Chất lượng giáo dục mũi nhọn được duy trì, kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước²⁶. Chất lượng dạy và học tiếng Anh được nâng lên rõ rệt²⁷. Ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học được triển khai hiệu quả, đặc biệt trong giai đoạn cách ly xã hội để phòng, chống dịch Covid-19.

Việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông được triển khai chủ động, tích cực, bài bản, khoa học và đúng tiến độ. Đã ban hành Tiêu chí lựa chọn SGK lớp 1; chỉ đạo tổ chức lựa chọn 44/46 đầu sách lớp 1 đúng quy trình; phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương đối với lớp 1 đúng quy định. Công tác quản lý tài chính, thu chi trong các cơ sở giáo dục có chuyển biến tích cực, đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ.

Công tác tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý được quan tâm. Năm 2020, đã tuyển 1.418 chỉ tiêu giáo viên ở các cấp học. Đồng thời thực hiện rà soát, sắp xếp đội ngũ đảm bảo đủ tỷ lệ và cân đối về cơ cấu bộ môn, đặc biệt ưu tiên bố trí đủ giáo viên thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa. Tỷ lệ giáo viên/lớp ở mầm non hiện đạt 1,94; tiểu học đạt 1,39; THCS 2,0; THPT đạt 2,3. 100% CBQL và giáo viên có trình độ đạt chuẩn về trình độ đào tạo²⁸, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

2. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác y tế dự phòng; phòng, chống dịch bệnh được tập trung cao, thực hiện hiệu quả. Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều kế hoạch, văn bản chỉ đạo, yêu cầu các sở, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp. Nhờ có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, công tác phòng, chống dịch đã đạt được kết quả quan trọng. Đến nay, tỉnh đã kiểm soát tốt dịch Covid-19. Phần lớn các bệnh truyền nhiễm khác đều có tỷ lệ mắc giảm so với cùng kỳ năm 2019.

Hệ thống y tế tiếp tục được củng cố. Đã thực hiện sáp nhập, tổ chức lại trạm y tế xã, phường, thị trấn từ 230 trạm còn 209 trạm. Đến nay, 100% xã/phường/thị trấn đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế. Các Bệnh viện, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, các Trung tâm y tế tuyến huyện được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, phát triển mang tính chuyên sâu, từng bước hiện đại hoá trang thiết bị, tích cực ứng dụng, phát triển kỹ thuật cao; số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 27 giường.

Các đơn vị y tế tiếp tục ổn định và duy trì mô hình tổ chức hoạt động, chú trọng triển khai phát triển các kỹ thuật mới; đã phê duyệt mới và bổ sung 968 danh mục kỹ thuật cho các cơ sở khám chữa bệnh (*trong đó: Các cơ sở khám, chữa bệnh công lập 303 kỹ thuật; các cơ sở khám, chữa bệnh ngoài công lập 665 kỹ thuật*). Chất lượng công tác khám, chữa bệnh được nâng lên. Công tác đảm bảo vệ sinh an

²⁶ Thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2019-2020 đạt 62 giải (12 Nhì, 31 Ba, 19 Khuyến khích; xếp thứ 10 toàn quốc về số lượng giải). Có 01 học sinh được dự thi vòng 2 (chọn đội tuyển Olympic Quốc tế Sinh học).

²⁷ Thi học sinh giỏi quốc gia có 8/8 học sinh đạt giải, trong đó 2 giải Nhì và 6 giải Ba.

²⁸ Bậc mầm non: trình độ đạt chuẩn trở lên (từ CĐSP trở lên) là 90,9%; trên chuẩn là 59,98%; Cấp tiểu học: trình độ từ đại học trở lên 58,78%; cấp THCS: trình độ từ đại học trở lên 80,11%; cấp THPT: trình độ đại học trở lên 100%, trên đại học 20,83%

toàn thực phẩm có nhiều chuyển biến²⁹.

Đội ngũ cán bộ y tế được quan tâm, tăng cường về số lượng và trình độ chuyên môn. Đặc biệt HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế tỉnh giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 về việc Phê duyệt Đề án đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế tỉnh giai đoạn 2021-2025. Số bác sĩ/10.000 dân hiện đạt 10,1; số dược sĩ đại học/10.000 dân đạt 1,3; 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc.

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được quan tâm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động, giai đoạn 2020-2025 của thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030; Kế hoạch truyền thông dân số đến năm 2030. Dự kiến đến hết năm, dân số toàn tỉnh trên 1,84 triệu người, tăng 31 nghìn người so với năm 2019. Tỷ lệ giới tính khi sinh (*số bé trai so với 100 bé gái*) là 117/100.

Công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế tiếp tục đạt được kết quả tiến bộ. Tỷ lệ bao phủ BHYT cao hơn bình quân cả nước, ước đạt 99%. Công tác kiểm soát và sử dụng Quỹ khám chữa bệnh BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập được tăng cường. Việc sử dụng Quỹ BHYT được giao tại các đơn vị được quản lý và kiểm soát hiệu quả hơn. Ước năm 2020, có 3,3 triệu lượt KCB thanh toán BHYT, giảm 2,1% so với năm 2019 với tổng chi phí BHYT là 1.492 tỷ đồng, bằng 112,9% dự toán giao.

3. Văn hóa, thể thao, thông tin

Lĩnh vực văn hóa, thể thao được quan tâm, chỉ đạo. Công tác thông tin, tuyên truyền có sự kiểm soát chặt chẽ, cung cấp đầy đủ, kịp thời tạo sự đồng thuận cao trong thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và phòng chống dịch bệnh. Đã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02), mừng Xuân Canh Tý 2020, Đại hội Đảng các cấp, kỷ niệm 75 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9, thông tin về tình hình thực hiện các nhiệm vụ chính trị, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các biện pháp phòng chống dịch Covid - 19. Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc được các địa phương tổ chức với nhiều hoạt động có ý nghĩa. Đặc biệt đã tổ chức thành công Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Bắc Giang lần thứ V, giai đoạn 2020- 2025 nhằm biểu dương, tôn vinh những tập thể, cá nhân, chiến sĩ thi đua, những tấm gương điển hình tiên tiến, những nhân tố tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015 – 2020; đồng thời, phát động phong trào xây dựng Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện và vững chắc.

Công tác bảo tồn phát huy di sản văn hóa dân tộc và quản lý nhà nước về văn hóa, di tích được tăng cường. Phong trào thể dục thể thao phát triển đảm bảo an toàn, ứng phó với dịch Covid-19. Việc thực hiện theo nếp sống văn minh trong việc cưới, đám tang có chuyển biến tích cực; tỷ lệ hộ gia đình văn hóa ước đạt 87%; tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 72%; tỷ lệ làng, bản, tổ dân phố văn hoá đạt 77%; tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới 52,2%.

²⁹ Tỷ lệ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP lũy tích đạt 89%; kiểm tra 8.714 cơ sở thực phẩm, xử phạt 144 tổ chức, cá nhân với 210,8 triệu đồng; xử phạt 49 vụ việc vi phạm về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp với 220,44 triệu đồng; xử phạt 70 vụ việc vi phạm về vận chuyển, gian lận thương mại với 410,9 triệu đồng và tịch thu, tiêu hủy nhiều loại sản phẩm thực phẩm nhập lậu, không bảo đảm an toàn.

4. Khoa học và công nghệ

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được quan tâm với việc ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển, như: Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn; Kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Quy định quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Đề án khung nhiệm vụ KH&CN về quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025. Đề án nâng cao năng lực Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh giai đoạn 2021-2025... Bên cạnh đó, tỉnh đã tổ chức thành công Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện *"Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025"*.

Công tác thẩm định công nghệ và đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư được chú trọng, đặc biệt quan tâm đến các dự án đầu tư có sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ cấm chuyển giao và hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật; các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp³⁰. Đã thẩm tra công nghệ 21 dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường đối với 30 dự án, cấp chứng nhận chuyển giao công nghệ cho 04 doanh nghiệp.

Các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật được quan tâm; chất lượng đề tài, dự án hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương. Công tác hướng dẫn, quản lý, bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa được triển khai thực hiện có hiệu quả. Đến nay, toàn tỉnh đã có 1.758 đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp 904 Giấy chứng nhận (*trong đó có 02 chỉ dẫn địa lý, 04 nhãn hiệu chứng nhận và 54 nhãn hiệu tập thể*).

5. Tình hình đời sống nhân dân, lao động, việc làm và chính sách xã hội

Các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid - 19 được thực hiện đầy đủ, kịp thời đúng quy định. công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội được thực hiện hiệu quả. Đã cấp trên 228 nghìn thẻ BHYT người nghèo, cận nghèo, người dân vùng đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số sống vùng khó khăn, đối tượng BTXH; thực hiện chi trả cho 254.012 người thuộc các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng do dịch Covid - 19 với số tiền trên 247 tỷ đồng. Toàn tỉnh còn 16.333 hộ nghèo, giảm 6.953 hộ so với năm 2019, chiếm tỷ lệ 3,5%, đạt mục tiêu đề ra. Đặc biệt dù còn khó khăn, song chính quyền và nhân dân tỉnh đã thể hiện tinh thần tương thân, tương ái khi hỗ trợ hơn 25 tỷ đồng cho đồng bào các tỉnh miền Trung bị ảnh hưởng do đợt mưa, lũ.

Công tác quản lý nhà nước về lao động và giải quyết việc làm được tập trung chỉ đạo; tạo điều kiện thuận lợi khắc phục những khó khăn về lao động cho doanh nghiệp, song cũng xử lý nghiêm các vi phạm. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới; chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý người lao động nước ngoài làm việc trên địa

³⁰ Bao gồm: dự án xử lý, tái chế chất thải; dự án sản xuất năng lượng; dự án dệt nhuộm, thuộc da; dự án sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; dự án sản xuất bột giấy; dự án sản xuất phôi thép

bản tỉnh. Công tác lao động, đào tạo nghề và giải quyết việc làm được quan tâm. Đã cơ bản giải quyết tình trạng thiếu hụt chuyên gia, lao động kỹ thuật người nước ngoài cho các doanh nghiệp; đồng thời, tạo việc làm mới cho 32.500 lao động, vượt 4,8% kế hoạch, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%. Toàn tỉnh hiện có trên 1,15 triệu lao động, tăng 2,4% so với năm 2019; lĩnh vực Công nghiệp xây dựng chiếm 37,5%, tăng 0,1% so với năm 2019, Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 38,1%, tăng 1,3%, dịch vụ chiếm 24,4%, giảm 1,4%.

Công tác phát triển BHXH được tập trung cao đạt kết quả khá. Dự kiến hết năm 2020, tổng số người tham gia BHXH là 318.221 người, tăng 13,7% so với năm 2019 trong đó: BHXH bắt buộc 298.005 người; BHXH tự nguyện 22.765 người (*gấp 2,7 lần*); tham gia BHTN 285.432 người. Công tác giảm nợ đọng BHXH, BHYT đạt được kết quả khá; trong năm đã thu hồi được 15,1 tỷ đồng tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN; số nợ BHXH toàn tỉnh là trên 125,5 tỷ đồng, chiếm 1,98% số phải thu. Tỷ lệ các doanh nghiệp đang hoạt động có đối tượng bắt buộc tham gia BHXH cho người lao động đã đạt 87,7%, tăng 2,5%.

Công tác bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống tệ nạn xã hội được tăng cường, đạt nhiều kết quả tích cực. Tập trung kiểm tra chuyên đề về công tác phòng chống tệ nạn xã hội; đổi mới công tác cai nghiện ma túy; thực hiện đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo quy định; ước hết năm, toàn tỉnh có 170 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em theo bộ tiêu chí mới.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH

1. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền

Cải cách hành chính có sự chuyển biến tích cực theo hướng hiện đại. Đã phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Đã tổ chức hội nghị tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, phương hướng nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; ban hành Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã... Các kết quả, chỉ số đánh giá về cải cách hành chính của tỉnh tiếp tục được cải thiện³¹. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoạt động hiệu quả hơn theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, các cách làm mới đã tác động tích cực tới doanh nghiệp và người dân.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được đổi mới theo hướng từ thường xuyên sang bồi dưỡng theo chức danh và vị trí việc làm. Công tác kiểm thanh tra, kiểm tra công vụ được tăng cường; kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức và người lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước có chuyển biến. Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức về công tác tại tỉnh; quy định tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn và bố trí kiêm nhiệm những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố; Quyết định Quy định tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ,

³¹ Chỉ số Par Index năm 2019 đạt 81,84%, xếp hạng 25/63 tỉnh, thành phố cả nước, (*tăng 3,7%, giữ nguyên thứ hạng so với năm 2018*), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt 89,18%, xếp hạng 09/63 (*tăng 6,73% và tăng 21 hạng so với năm 2018*).

công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Thực hiện xét tuyển dụng 165 viên chức y tế; thực hiện việc tuyển chọn 1.420 giáo viên năm 2020.

Công tác chỉ đạo điều hành có nhiều đổi mới, chủ động, linh hoạt hơn; hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được cải thiện. Các hình thức họp, chỉ đạo điều hành trực tuyến tăng lên vừa đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch vừa đảm bảo chất lượng hiệu quả. Đã hoàn thành thực hiện sắp xếp giảm 21 đơn vị hành chính cấp xã theo kế hoạch (*đến nay toàn tỉnh còn 209 xã, phường, thị trấn*). Các địa phương được sáp nhập đã nhanh chóng ổn định tổ chức, đi vào hoạt động hiệu quả. Tổ chức khôi phục mốc địa giới hành chính cấp tỉnh giữa hai tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang, tổ chức ký pháp lý hồ sơ địa giới hành chính với các tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Nguyên, Hà Nội, Bắc Ninh; hoàn thành hồ sơ địa giới hành chính tỉnh Bắc Giang tổ chức nghiệm thu cấp tỉnh và Trung ương theo quy định.

2. Công tác tư pháp, thi hành án dân sự

Công tác tư pháp được triển khai đồng bộ, toàn diện; trong đó, thực hiện có hiệu quả công tác thẩm định, hoàn thiện dự thảo văn bản QPPL, góp phần đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, khả thi của các văn bản khi được ban hành³²; tập trung thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp ban hành theo quy định pháp luật, kiến nghị xử lý kịp thời các văn bản QPPL có nội dung không phù hợp hoặc không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương³³. Công tác theo dõi thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được quan tâm thực hiện theo quy định, có chuyên biến tích cực so với năm trước³⁴; việc xử lý kết quả, kiến nghị sau theo dõi thi hành pháp luật nghiêm túc và đạt kết quả cao hơn.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường thực hiện có hiệu quả; nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của người dân đã được nâng lên. Nội dung tuyên truyền, phổ biến có trọng tâm, trọng điểm; tập trung tuyên truyền theo từng quý trên cơ sở các văn bản QPPL của Trung ương ban hành và các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phong phú, đa dạng, có đổi mới phù hợp với tình hình thực tiễn; trong đó, tập trung phát huy hiệu quả của hình thức tổ chức hội nghị trực tuyến đến tận cấp xã. Đối tượng được mở rộng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể Nhân dân.

Công tác thi hành án dân sự được quan tâm, đạt kết quả tích cực. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 20/4/2020 về tăng cường phối hợp, nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự. Toàn tỉnh, đã thụ lý 12.756 vụ việc thi hành án dân sự, (*phát sinh mới 9.734 vụ, tăng 369 việc*); số tiền thụ lý gần 1.380 tỷ đồng (*phát sinh mới hơn 690 tỷ đồng, giảm 136,7 tỷ đồng*); đã giải quyết xong 9.065 vụ việc, đạt tỷ lệ 83,5%, tăng 0,2%; tổng số tiền trên 260 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 41,4%, tăng 3,8% so với cùng kỳ.

³² Sở Tư pháp đã tham gia ý kiến vào 135 dự thảo văn bản (*tăng 31 dự thảo so với năm 2019*); thẩm định 66 dự thảo văn bản QPPL và dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết (*tăng 14 dự thảo*); hoàn thiện 37 dự thảo văn bản QPPL (*tăng 11 dự thảo*).

³³ Sở Tư pháp đã rà soát 721 lượt văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành theo 09 chuyên đề, lĩnh vực; kiến nghị xử lý 222 lượt văn bản không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương...

³⁴ Tổ chức 04 đợt kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật; 02 đợt kiểm tra liên ngành tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn.

3. Công tác thanh tra, chống tham nhũng

Triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đảm bảo về trình tự, thủ tục; nội dung các cuộc thanh tra có sự tập trung vào những vấn đề bức xúc mà dư luận quan tâm; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong bối cảnh khó khăn do dịch bệnh. Đã triển khai 141 cuộc thanh tra hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước tại 437 đơn vị, giảm 87 đơn vị so với năm 2019; 187 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 1.062 tổ chức, cá nhân (*giảm 111 cuộc, 535 tổ chức*). Qua thanh tra phát hiện sai phạm với tổng số tiền 26,4 tỷ đồng và gần 695 nghìn m² đất các loại. Đã thu hồi ngân về ngân sách nhà nước trên 8 tỷ đồng, xử lý hành chính 59 tập thể, 204 cá nhân, chuyển cơ quan điều tra 2 vụ việc, 8 đối tượng.

Công tác phòng, chống tham nhũng được chú trọng. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng được các ngành, các cấp triển khai đồng bộ; công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu về thực hiện pháp luật thanh tra, KNTC và PCTN được đảm bảo; công tác giám sát, điều tra, truy tố, xét xử được đẩy mạnh; một số vụ việc tham nhũng, tiêu cực được phát hiện, xử lý kịp thời.

4. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư KNTC

Công tác tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo có chuyển biến tích cực. Các vụ việc đã được các cấp, các ngành tiếp nhận, xử lý và tập trung giải quyết ngay từ khi mới phát sinh và vụ việc có liên quan đến nhân sự Đại hội Đảng các cấp, các vụ khiếu kiện kéo dài; trình tự, thủ tục giải quyết đơn thư KNTC nhìn chung được đảm bảo; một số vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp được chỉ đạo giải quyết... Trong năm, toàn tỉnh tổ chức tiếp 8.231 lượt người đến đề nghị giải quyết 6.405 vụ việc, tăng 661 lượt so với năm 2019; tiếp nhận 7.479 đơn các loại, tăng 544 đơn; tổng số đơn phải giải quyết là 3.104 đơn, tăng 363 đơn; đã giải quyết xong 2.879 đơn, đạt tỷ lệ 92,8%, tăng 1,8%. Qua giải quyết KNTC đã xử lý thu hồi về cho Nhà nước trên 01 tỷ đồng và 1.211m² đất, trả lại cho công dân 808 triệu đồng, xử lý hành chính 23 cá nhân, chuyển cơ quan điều tra 02 vụ việc, 03 đối tượng³⁵.

5. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Công tác quốc phòng, an ninh được triển khai đồng bộ, toàn diện; chủ động quản lý, nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trước diễn biến phức tạp trên Biển Đông; giải quyết các điểm mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện, nhất là liên quan đến bồi thường, GPMB, thu hồi đất triển khai các dự án, tranh chấp đất lâm nghiệp tại một số địa phương. Đã tổ chức lễ giao quân nghiêm túc, thống nhất trong toàn tỉnh, đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu. Đặc biệt đã phối hợp, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất và bảo đảm hậu cần cho các khu cách ly phòng, chống dịch Covid-19.

Triển khai xây dựng Đề án "*Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giai đoạn 2020-2025*"; hoàn thành việc bố trí Công an chính quy tại 100% các xã, thị trấn, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, nắm bắt tình hình, giải quyết vụ việc ngay từ cơ sở. Phê duyệt Đề án triển khai lắp đặt hệ thống camera an ninh trong phạm vi toàn tỉnh. Nhìn chung, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự xã hội giảm 5,2% so với cùng kỳ năm 2019; cơ quan điều tra đã khám phá 475/549 vụ tội phạm về trật tự xã hội (*đạt tỷ lệ 86,5%*); trong

³⁵ Huyện Hiệp Hòa chuyển 01 vụ, 02 đối tượng; huyện Yên Dũng chuyển 01 vụ, 01 đối tượng.

đó có vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, làm rõ 52/52 vụ (đạt 100%).

Công tác đối ngoại được tăng cường, các hoạt động thông tin đối ngoại có nhiều hình thức mới, thiết thực; công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào đã đi vào nề nếp; thủ tục được đơn giản hóa. Tỉnh đã ban hành quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại; chỉ đạo triển khai nhiều hoạt động đối ngoại, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực kinh tế; đẩy mạnh các hoạt động kết nối, xúc tiến hợp tác hữu nghị với địa phương nước ngoài. Đã tiếp nhận 12 khoản viện trợ phi dự án với tổng giá trị đạt hơn 790.000 USD; Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tiếp nhận 05 dự án viện trợ phi CPNN mới với tổng giá trị viện trợ hơn 1,156 triệu USD.

6. Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ

Triển khai Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Chỉ đạo triển khai các giải pháp bảo đảm giao thông an toàn trong điều kiện có dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra công tác bảo đảm trật tự ATGT trên tuyến cao tốc và đường gom Hà Nội - Bắc Giang trên địa bàn huyện Việt Yên. Rà soát, xử lý gồ giảm tốc trên đường nhánh vào các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện.

Mở các đợt cao điểm bảo đảm trật tự ATGT tập trung kiểm tra xử lý các phương tiện vi phạm. Lực lượng Cảnh sát giao thông đã kiểm tra, xử lý 40.059 trường hợp vi phạm, tước 5.442 giấy phép lái xe, thu nộp ngân sách 46,65 tỷ đồng, tạm giữ 10.686 phương tiện vi phạm (trong đó xử lý 1.905 trường hợp vi phạm nồng độ cồn, 1.429 trường hợp vi phạm quá khổ, quá tải). Tai nạn giao thông giảm mạnh so với cùng kỳ; đã xảy ra 312 vụ TNGT, giảm 14,3%, làm chết 164 người, giảm 11,8%, bị thương 241 người, giảm 22,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 24/02/2020 về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy; chỉ đạo các cơ quan chức năng thường xuyên tập huấn, hướng dẫn và kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với một số cơ sở trọng điểm có nhiều nguy cơ về cháy, nổ như các cơ sở kinh doanh xăng dầu và khí hóa lỏng, khách sạn, nhà nghỉ, karaoke, cơ sở kinh doanh, dịch vụ giải trí... Đã xảy ra 58 vụ cháy, tãng 20 vụ, làm bị thương 03 người, giãm 02 người chết, thiệt hại về tài sản khoảng 33,7 tỷ đồng.

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. KẾT QUẢ NỔI BẬT

Trong khó khăn, kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn đạt được kết quả toàn diện, nổi bật trên nhiều lĩnh vực; là điểm sáng trong cả nước về thực hiện “mục tiêu kép” của Chính phủ. Vị thế của tỉnh được nâng lên. Niềm tin của nhân dân vào Đảng, chính quyền được củng cố; tinh thần đoàn kết thương thân tương ái được phát huy. Tiến độ lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 nhanh nhất cả nước. Nền kinh tế nhanh chóng phục hồi sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát; tốc độ tăng trưởng đứng đầu cả nước. Lĩnh vực nông nghiệp đạt nhiều thành tích nổi bật, khẳng định vững chắc vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế; sản xuất công nghiệp phục hồi mạnh mẽ; giá trị xuất, nhập khẩu tăng cao. Hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được cải

thiện. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp đạt kết quả khá, nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước. Thu ngân sách vượt dự toán; chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả. Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng giảm mạnh. Phong trào xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật. Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường có chuyển biến tích cực...

Công tác phòng, chống dịch bệnh được thực hiện hiệu quả, dịch Covid – 19 được kiểm soát tốt. Các lĩnh vực giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân được tập trung chỉ đạo, ngày càng tiến bộ; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống nhân dân cơ bản ổn định. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được nâng lên; việc sát nhập bộ máy chính quyền các cấp, các ngành được thực hiện nghiêm túc, bài bản. Công tác cải cách hành chính đạt kết quả tích cực. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tai nạn giao thông giảm mạnh...

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại hạn chế

Dịch Covid -19 cùng với thời tiết diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của tỉnh. Có 07/17 chỉ tiêu chủ yếu không hoàn thành kế hoạch³⁶. Cụ thể trên các lĩnh vực:

1.1. Lĩnh vực kinh tế, đầu tư xây dựng và tài nguyên môi trường

Hầu hết các ngành sản xuất quan trọng tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ, đặc biệt là các ngành công nghiệp và dịch vụ. Nền kinh tế ngày càng phụ thuộc vào các doanh nghiệp FDI. Trong khi đó, năng lực sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh còn hạn chế; hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn; số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động ở mức cao; khả năng hấp thụ vốn của các doanh nghiệp dần được cải thiện song còn chậm.

Chất lượng một số loại nông sản còn chưa cao. Số lượng các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế dẫn đến liên kết, hợp tác sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị còn khó khăn.

Môi trường đầu tư được cải thiện song còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu. Chỉ số PCI năm 2019 dù tăng 1,46 điểm so với năm 2018, song lại giảm 4 bậc xếp thứ 40/63 tỉnh thành. Công tác quản lý, dự báo, đánh giá về thu hút đầu tư còn bị động.

Hạ tầng KCN sẵn sàng thu hút đầu tư thiếu; các KCN cơ bản đã lấp đầy, có hiện tượng nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội đầu tư song thiếu hạ tầng cho thuê. Công tác hỗ trợ bồi thường, GPMB đối với các KCN, CCN còn chưa hiệu quả, nhất là ở các huyện Việt Yên, Yên Dũng, Hiệp Hòa và thành phố Bắc Giang. Thương mại điện tử từng bước phát triển song còn nhiều bất cập. Hệ thống khách sạn, nhà hàng, các cơ sở lưu trú chưa đáp ứng được yêu cầu.

Một số nguồn vốn đầu tư công dự kiến không giải ngân hết kế hoạch vốn như: vốn ODA, ngân sách tỉnh bổ sung, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới... Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư BT vẫn còn nhiều vướng mắc, tiến độ chậm. Nợ đọng thuế vẫn ở mức cao và tăng so với năm 2019. Nợ đọng xây dựng trong XDCB tăng³⁷.

³⁶ Tăng trưởng kinh tế, GRDP bình quân đầu người, tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tỷ lệ dân số đô thị, lượng khách du lịch; tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch và tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh.

³⁷ Tổng nợ đọng XDCB tại thời điểm 20/11/2020 là 175 tỷ đồng. Trong đó: cấp tỉnh 30 tỷ đồng; cấp huyện 31,3 tỷ đồng; cấp xã

Việc triển khai quy hoạch xây dựng còn khó khăn, tỷ lệ quy hoạch xây dựng chi tiết còn ít. Chất lượng một số hồ sơ thiết kế trình thẩm định còn chưa cao. Một số công trình qua kiểm tra vẫn còn sai sót về trình tự thủ tục, chất lượng chưa cao, tiến độ xây dựng chậm. Năng lực của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng có nơi còn hạn chế, nhiều đơn vị tư vấn và nhà thầu thi công năng lực yếu.

Một số dự án khu đô thị, khu dân cư mới tiến độ triển khai còn chậm, chất lượng hồ sơ trình thẩm định chấp thuận đầu tư, hồ sơ thiết kế BVTC-dự toán còn chưa cao. Tình trạng vi phạm không phép, trái phép và quản lý trật tự xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ tại các huyện, thành phố còn xảy ra. Công tác bồi thường, GPMB các dự án nhà ở xã hội gặp rất nhiều khó khăn.

Công tác quy hoạch, kế hoạch trong quản lý đất đai còn bất cập, chưa theo kịp thực tế phát triển. Việc quản lý đất đai và khoáng sản ở cơ sở chưa chặt chẽ; tình trạng vi phạm lấn chiếm đất đai, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất, khai thác đất san lấp mặt bằng trái phép, sai phép... còn diễn ra, gây thất thoát tài nguyên, thất thu ngân sách.

Triển khai nhiệm vụ giải quyết vấn đề rác thải, nước thải còn lúng túng. Phong trào huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý rác thải ra môi trường ở một số địa phương chưa có chuyển biến rõ rệt. Việc xử lý rác thải tồn lưu tại các khu xử lý điểm tập kết còn chậm (*trừ huyện Yên Dũng và Việt Yên*). Việc xử lý ô nhiễm môi trường ở các địa bàn giáp ranh chưa triệt để. Công tác bồi thường, GPMB khu xử lý rác thải tập trung tại huyện Lục Nam chưa đạt yêu cầu.

1.2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

Tình trạng mất cân đối trong cơ cấu giáo viên chưa được khắc phục triệt để. Tỷ lệ giáo viên/lớp của bậc mầm non, tiểu học còn thiếu so với quy định. Kỹ năng khai thác, ứng dụng CNTT, tiếp cận công nghệ mới trong quản lý và dạy học ở một số CBQL, giáo viên còn hạn chế. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở nhiều đơn vị còn chưa đồng bộ, thiếu so với yêu cầu và so với quy định mới.

Nguy cơ tái bùng phát dịch Covid -19 vẫn còn rất lớn. Tình trạng thiếu hụt nhân lực y tế ở tuyến huyện, nhất là nhân lực có năng lực chuyên môn cao vẫn chưa khắc phục được. Hoạt động hành nghề y dược tư nhân trái phép còn diễn ra. Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở tuyến huyện, xã còn gặp khó khăn; việc xử phạt vi phạm về an toàn thực phẩm tại cấp xã còn hạn chế.

Các hoạt động văn hóa, thể thao bị hạn chế do yêu cầu phòng chống dịch đã ảnh hưởng đến nhu cầu của người dân; lượng khách du lịch giảm mạnh. Chất lượng một số chương trình truyền thanh, truyền hình của Đài cấp huyện, cấp xã còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin của người dân. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thông tin trên mạng xã hội và dịch vụ Internet, thuê bao di động, sim rác còn khó khăn.

Chất lượng lao động chưa cao, thiếu lao động lành nghề. Việc giải quyết việc làm cho lao động trên 45 tuổi và hoạt động tuyển sinh, đào tạo nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý lao động người

nước ngoài gặp khó khăn, nhất là lao động người Trung Quốc làm việc với thời hạn dưới 03 tháng. Việc bình xét hộ nghèo ở một số địa phương còn bất cập. Tỷ lệ người dân tham gia BHXH tự nguyện ở khu vực nông thôn còn thấp.

Việc chấp hành một số quy định về pháp luật lao động tại một số doanh nghiệp còn chưa thực sự nghiêm túc; tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký Nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước đến nay chỉ đạt 35.5%. Đời sống vật chất và tinh thần của công nhân lao động được cải thiện song vẫn còn nhiều hạn chế.

Năng lực kiểm định, hiệu chuẩn của các tổ chức trên địa bàn chưa đáp ứng yêu cầu. Hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ kém đa dạng; chưa được các doanh nghiệp và người dân quan tâm. Tiềm lực khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất trang thiết bị nghiên cứu- ứng dụng khoa học và công nghệ còn thiếu và yếu.

1.3. Lĩnh vực nội chính

Quản lý nhà nước ở chính quyền cấp xã trên một số lĩnh vực chưa được quan tâm đúng mức; còn tình trạng phó mặc cho các cơ quan chuyên môn. Việc triển khai các chủ trương chính sách của tỉnh ở một số địa phương có lúc chưa kịp thời. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở chưa được quan tâm đúng mức.

Kỷ luật, kỷ cương hành chính đã có chuyển biến song ở một số địa phương chưa rõ nét. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa thật sự gắn với bố trí, sử dụng nên hiệu quả chưa rõ, chưa thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc bố trí, sắp xếp cán bộ dôi dư và giải quyết các vấn đề sau sát nhập xã ở một số địa phương còn nhiều khó khăn.

Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức 3 và 4 còn thấp và không đồng đều giữa các sở, ngành. Một số cơ quan địa phương chưa thực hiện nghiêm túc việc áp dụng chữ ký số trên Phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành.

Việc xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông (*đặc biệt là trạm BTS*) gặp khó khăn tại một số địa phương; tỷ lệ sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp viễn thông còn chưa nhiều. Chưa xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu nền tảng dùng chung của tỉnh cho các lớp cơ sở dữ liệu khác nhằm phục vụ các loại ứng dụng CNTT của tỉnh và các ngành.

Một số loại tội phạm diễn biến phức tạp; tệ nạn ma túy có chiều hướng gia tăng; kết quả đấu tranh tội phạm sử dụng công nghệ cao còn hạn chế; tình trạng xuất cảnh lao động trái phép sang Trung Quốc chưa được xử lý triệt để. Tình trạng mất an ninh trật tự, vệ sinh môi trường tại các khu nhà trọ, khu vực có đông công nhân sinh sống, trộm cắp tại các cơ quan, công sở, khu dân cư, bảo kê, đánh người, cho vay nặng lãi... diễn biến phức tạp.

Chất lượng giải quyết KNTC tại một số địa phương, đơn vị còn hạn chế. Một số quyết định, kết luận. Công tác tổ chức thực hiện một số kết luận sau KNTC chưa tốt. Việc công dân tập trung đông người lên tỉnh và ra Trung ương vẫn còn xảy ra; một số vụ việc giải quyết chậm. Việc tự phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ngay trong từng cơ quan, tổ chức, đơn vị còn rất hạn chế.

Tình trạng xe khách dừng đón trả khách trái phép, nhất là ở các gầm cầu vượt trên

đường cao tốc chậm được khắc phục; tình trạng ùn tắc giao thông tại các KCN, xe quá khổ, quá tải vẫn còn xảy ra ở một số nơi, tại một số thời điểm chưa được giải quyết triệt để. Cháy, nổ vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, số vụ cháy tăng so với cùng kỳ...

II. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân khách quan

Dịch Covid - 19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt của sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân cũng như việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

Hệ thống cơ chế, chính sách từ Trung ương chưa đồng bộ, chồng chéo, thiếu tính ổn định, một số nội dung còn chưa được quy định rõ ràng, chi tiết gây khó khăn, lúng túng cho quá trình thực hiện.

Ý thức, trách nhiệm của một số chủ doanh nghiệp, người dân trên một số lĩnh vực như: đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, phòng chống dịch bệnh ... chưa tốt. Một số doanh nghiệp, người dân thiếu hợp tác thậm chí cố tình hiểu sai các quy định của pháp luật trên một số lĩnh vực...

Sự hình thành và phát triển các KCN của tỉnh kéo theo số lượng lớn lao động trong và ngoài tỉnh đến làm việc. Trong khi đó, hệ thống hạ tầng xã hội chưa đáp ứng kịp, nhất là hạ tầng về nhà ở, giao thông, giáo dục, vui chơi, giải trí...

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, môi trường cạnh tranh gay gắt, trong khi năng lực, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp chưa cao. Một số cơ chế chính sách chưa được phát huy đầy đủ do thiếu nguồn lực, việc thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế còn khó khăn.

2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực chỉ đạo, điều hành của một số địa phương, đơn vị có mặt chưa đáp ứng với yêu cầu. Công tác dự báo nắm tình hình trên một số lĩnh vực chưa tốt; chế độ thông tin tin báo cáo chưa kịp thời, chất lượng không cao.

Một số sở, ngành địa phương còn thiếu quyết tâm, chưa đổi mới, dám nghĩ, dám làm, chưa thực sự hành động quyết liệt. Quá trình thực hiện thiếu kiểm tra, đôn đốc, chưa chú trọng đến công tác thi hành pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính, để xảy ra vi phạm trên một số lĩnh vực.

Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ chưa chặt chẽ, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm, như: Đầu tư, xây dựng, TNMT, BHXH, KNTC...

Chưa chú trọng đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, dẫn đến sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân còn hạn chế.

Một bộ phận cán bộ, công chức năng lực và trình độ chuyên môn còn yếu; việc nắm và vận dụng pháp luật trong thi hành công vụ hiệu quả chưa cao. Thậm chí một số còn quan liêu, nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, chưa làm tròn chức trách, nhiệm vụ.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU VÀ DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

Năm 2021 là năm đầu triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, giai đoạn 2021-2030 của cả nước, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, giai đoạn 2021-2025. Dự báo tình hình kinh tế thế giới, khu vực và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; rủi ro và bất ổn gia tăng, nhất là xung đột thương mại, dịch Covid - 19 chưa được kiểm soát; các thách thức về an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh gia tăng. Bên cạnh đó, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tiếp tục tác động ngày càng sâu rộng đến mọi mặt của đời sống mở ra thời cơ, thuận lợi song cũng rất nhiều khó khăn, thách thức đan xen.

Trong tỉnh, thế và lực của tỉnh được nâng lên; kinh tế duy trì đà phục hồi mạnh mẽ; hạ tầng kinh tế xã hội được cải thiện đáng kể; tình hình an ninh trật tự ổn định; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày một tăng; cùng với sự dịch chuyển làn sóng đầu tư và các hiệp định thương mại tự do đã mở ra cơ hội lớn, nhất là trong việc thu hút các dự án đầu tư chất lượng... sẽ là những tín hiệu tích cực, tạo động lực mới cho tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, một số tồn tại, hạn chế trong nội tại nền kinh tế chưa và chậm được khắc phục; năng lực cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh chưa cao; sức ép từ hạ tầng xã hội, các vấn đề về môi trường, an ninh trật tự ngày càng lớn; thiên tai dịch bệnh tiềm ẩn nhiều nguy cơ... Đặc biệt dịch Covid - 19 vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ tái bùng phát sẽ tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề lớn phải giải quyết trong năm 2021.

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Củng cố, đẩy nhanh quá trình phục hồi kinh tế trên cơ sở kiểm soát tốt dịch Covid-19. Tạo chuyển biến rõ nét trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút các nguồn vốn đầu tư chất lượng. Phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng KCN, CCN, giao thông và đô thị theo hướng hiện đại, đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chú trọng quản lý tài nguyên, khoáng sản; giải quyết tốt các vấn đề về môi trường. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; tạo chuyển biến mạnh mẽ và thực chất hơn trong cải cách hành chính. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho phát triển. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, tạo đà vững chắc cho thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

* Về kinh tế:

- (1) Phấn đấu tốc độ tăng GRDP đạt 14,5%; Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng 60,6%; dịch vụ 23,6%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 15,8%;
- (2) GRDP bình quân đầu người đạt 3.280 USD;
- (3) Tốc độ tăng năng suất lao động 15,1%;

- (5) Thu ngân sách nhà nước đạt 10.086 tỷ đồng;
- (5) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên 68,2 nghìn tỷ đồng;
- (6) Giá trị sản xuất/01ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 125 triệu đồng;
- (7) Khách du lịch 1,2 triệu lượt;
- (8) Tỷ lệ dân số đô thị đạt 23%;
- (9) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 75%; thêm 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (*lũy kế 4 huyện*).

*** Về văn hóa - xã hội:**

- (10) Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 93,7%, mức độ 2 đạt 13,8%;
- (11) Số giường bệnh/10.000 dân (*không tính giường của TYT xã và PKĐKKV*) đạt 28,2 giường; duy trì tỷ lệ người dân có thẻ BHYT đạt trên 99%; 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH;
- (12) Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hoá 80,7%; Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị 76%; Tỷ lệ xã có đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, cấp xã 86,1%;
- (13) Tỷ lệ hộ nghèo (*theo chuẩn giai đoạn 2016-2020*) còn 2,5%; trong đó các xã đặc biệt khó khăn còn 13,6%;

(14) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 72%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 20,1%; tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị 3%; cơ cấu lao động: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 35,8%; công nghiệp - xây dựng 39,7%; dịch vụ 24,5%;

*** Về môi trường:**

- (15) Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch (*đạt QCVN02 trở lên*) đạt 81% (*trong đó tỷ lệ dân số thành thị được dùng nước sạch đạt 91,1%; tỷ lệ dân số nông thôn đạt tiêu chuẩn QCVN02 đạt 78%*);
- (16) Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom xử lý hợp vệ sinh đạt 78% (*thành thị 92%, nông thôn 65%*);
- (17) KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%; CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn 50%; Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 100%;
- (18) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch Covid-19. Tiếp tục tập trung thực hiện “mục tiêu kép”; tuyệt đối không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác. Chủ động xây dựng, triển khai các kịch bản phòng, chống; kiểm soát, ngăn chặn hiệu quả nguồn bệnh, bảo đảm phòng dịch từ sớm, từ xa. Tiếp tục củng cố vừa phục hồi và phát triển kinh tế, vừa sẵn sàng phòng chống dịch; coi việc bảo đảm an toàn với dịch bệnh là cơ sở, điều kiện để phát triển kinh tế-xã hội; đồng thời, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tổ chức triển khai quy hoạch tỉnh; triển khai xây dựng các chính sách cụ thể hóa các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX

Nâng cao nhận thức và tư duy trong công tác quy hoạch. Bám sát và đề nghị các Bộ, ngành Trung ương tích hợp các nội dung là tiềm năng, thế mạnh của tỉnh

Bắc Giang vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng. Thực hiện công bố rộng rãi quy hoạch ngay sau khi quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện quy hoạch; thực hiện công bố danh mục dự án thu hút đầu tư, trong đó trọng tâm là danh mục các dự án KCN, CCN, cảng, các khu du lịch, khu chức năng ... Tập trung huy động mọi nguồn lực thực hiện quy hoạch.

Rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách đã ban hành trong giai đoạn 2016-2020; nghiên cứu, đề xuất ban hành các chính sách, chương trình, đề án cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. Tập trung giải quyết những vấn đề cấp thiết trước mắt và cả những vấn đề lâu dài, nhằm giải quyết các điểm nghẽn, tạo chuyển biến rõ nét trên một số lĩnh vực như: chất lượng nguồn nhân lực, phát triển hạ tầng, giao thông, KCN, CCN, đô thị, nhà ở công nhân, thu hút đầu tư phát triển du lịch, các vấn đề về môi trường ...

2. Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành sản xuất gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh

Thực hiện hiệu quả, thực chất hơn các nhiệm vụ cơ cấu lại và phát triển các ngành, lĩnh vực. Tiếp tục chuyên đổi mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; thúc đẩy phát triển kinh tế số; phát triển mạnh thương mại điện tử, thanh toán điện tử, các mô hình kinh doanh mới, kinh tế ban đêm.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn 2035. Tăng cường hỗ trợ, đẩy nhanh quá trình phục hồi ngành công nghiệp theo hướng bền vững là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế; tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, tạo ra nhiều sản phẩm thương hiệu, có sức cạnh tranh và tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu; tạo việc làm có thu nhập cao; thúc đẩy phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ.

Tập trung hỗ trợ, phát triển một số loại dịch vụ có tiềm năng, lợi thế; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics, dịch vụ du lịch, khách sạn và các dịch vụ hỗ trợ đáp ứng yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường, nhu cầu của xã hội. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sân golf đã được chấp thuận đầu tư. Tăng cường tập huấn, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực, khả năng thích ứng, tận dụng cơ hội của các hiệp định thương mại tự do mới như: EVFTA, RCEP...; hỗ trợ tìm kiếm thị trường, đa dạng hóa nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Tăng cường các hoạt động kết nối cung - cầu: liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, các Thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh, các vùng lân cận để tiêu thụ hàng nông sản cho nông dân (*vải thiều Lục Ngạn, gà đồi Yên Thế, rau chế biến, rau an toàn...*). Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án xây dựng và phát triển nông sản hàng hóa đạt tiêu chí cấp tỉnh, giai đoạn 2020-2021.

Đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035, gắn với tái cơ cấu ngành theo hướng sản xuất chuyên canh, tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Thực hiện hiệu quả chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2019-2025. Theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh động vật, phát hiện và khống chế kịp thời; phát triển chăn nuôi trang trại tập trung quy mô lớn theo hình

thức công nghiệp, bán công nghiệp, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh ATTP.

Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản chuyên canh, thâm canh thông qua việc đẩy chuyển giao khoa học kỹ thuật, áp dụng quy trình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng hiện có; nâng cao năng suất, chất lượng rừng. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới; phấn đấu đến hết năm 2020 toàn tỉnh có 138 xã đạt chuẩn và có thêm 01 huyện đạt chuẩn (*huyện Yên Dũng*). Triển khai đảm bảo mục tiêu, kế hoạch thực hiện chương trình OCOP; từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

3. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng thu hút đầu tư; tạo điều kiện phát triển các thành phần kinh tế

Nâng cao nhận thức, tư duy trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp nâng hạng chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Trọng tâm là triển khai Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh về nâng hạng Chỉ số PCI tỉnh Bắc Giang năm 2020; Đề án “*Xây dựng Bộ chỉ số và triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020-2025*” theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ đầu tư; nghiên cứu thành lập Ban xúc tiến đầu tư trực thuộc UBND tỉnh, trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc Ban Quản lý các KCN tỉnh. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo Hỗ trợ đầu tư và Phát triển doanh nghiệp và Tổ công tác trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp; nghiêm túc giải quyết các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 244/2016/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh; trong đó, trọng tâm là bổ sung, sửa đổi quy trình thẩm định quyết định chủ trương các dự án đầu tư.

Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động có trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết, nhất là hạ tầng, nguồn nhân lực, mặt bằng để chủ động đón đầu dòng dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các các nguồn vốn chất lượng với công nghệ tiên tiến trên cơ sở đáp ứng Quy định các tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư trên địa bàn. Tăng cường kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm trong công tác đầu tư; kiên quyết xử lý đối với những nhà đầu tư cố tình không thực hiện theo quy hoạch, xử lý thu hồi các dự án không triển khai.

Tập trung xử lý nhà ở cho chuyên gia, người lao động trong các KCN. Tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là trong bồi thường, GPMB để triển khai các dự án nhà ở xã hội cho công nhân và các dự án dịch vụ công cộng quanh các KCN. Tiếp tục rà soát, quy hoạch các vị trí xây dựng nhà ở công nhân phục vụ các khu công nghiệp trên địa bàn để kêu gọi, lựa chọn các nhà đầu tư triển khai xây dựng.

Triển khai chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, giai đoạn 2021-2025 sau khi được HĐND tỉnh thông qua. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra liên ngành, tránh chồng chéo, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Hỗ trợ, xây dựng các mô hình KTTT, HTX kiểu mới phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Hỗ trợ xây dựng một số mô hình HTX điển hình tiên tiến, ứng dụng

công nghệ cao. Tăng cường công tác quản lý thị trường, xử lý thật nghiêm minh các vụ việc vi phạm pháp luật.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh triển khai các dự án kết cấu hạ tầng KTXH trọng điểm

Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành. Nuôi dưỡng nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ; tập trung chống thất thu, chuyển giá và nợ đọng thuế. Rà soát các khoản thu chưa được quản lý tốt, hoặc áp dụng ưu đãi chưa đúng; phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán năm. Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp. Kiên quyết xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

Huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, ưu tiên hạ tầng giao thông trọng điểm, hạ tầng KCN, hạ tầng thủy lợi trọng yếu, hạ tầng đô thị và du lịch, hạ tầng giáo dục, y tế thiết yếu, hạ tầng công nghệ thông tin - công nghệ số, tạo nền tảng phát triển kinh tế số và xã hội số. Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025 và năm 2021 đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; đẩy mạnh công tác giải ngân ngay từ đầu năm. Tăng cường quản lý chặt chẽ trên tất cả các khâu của đầu tư xây dựng, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và đánh giá, giám sát đầu tư; chú trọng công tác chủ trương đầu tư, lựa chọn dự án đầu tư theo quy hoạch, các dự án trọng tâm, trọng điểm để phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn, hiệu quả đầu tư dự án.

Đầu tư phát triển các tuyến đường giao thông mang tính kết nối, mở rộng không gian mới để phát triển công nghiệp, dịch vụ; kết nối Bắc Giang với các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hà Nội, Quảng Ninh; triển khai xây dựng hệ thống giao thông đối nội theo quy hoạch, tập trung một số dự án như: Đường nối QL37 - QL17 - Võ Nhai (*Thái Nguyên*); Xây dựng đường và cầu Hà Bắc 2 nối Tuyến nhánh 2, đường Vành đai IV với Khu công nghiệp Yên Phong và QL18, tỉnh Bắc Ninh; Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa với thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (*đoạn từ QL37 đến cầu Hòa Sơn*); Đường nối từ QL37-QL17-ĐT292 (*đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang*), tỉnh Bắc Giang; Cải tạo, nâng cấp ĐT298 (*đoạn từ Đình Nẻo đi Việt Yên*); Cải tạo, nâng cấp ĐT292 (*đoạn từ cầu Bó Hạ đến thị trấn Phồn Xương*) huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang... Tiếp tục chỉ đạo tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án BT. Tập trung giải quyết các vướng mắc về bồi thường, GPMB tại các dự án đang thi công; đối với các dự án đang chuẩn bị đầu tư khẩn trương thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, ký kết hợp đồng và khởi công công trình.

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu, CCN hiện có; thu hút nhà đầu tư xây dựng hạ tầng các CCN theo quy hoạch đảm bảo hạ tầng đồng bộ về giao thông kết nối; hệ thống hạ tầng thoát nước mặt và xử lý nước thải công nghiệp đảm bảo tiêu chuẩn môi trường; hệ thống điện, nước; hạ tầng xã hội và dịch vụ... Đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng KCN tiếp tục triển khai công tác bồi thường, GPMB và đẩy nhanh thi công hạ tầng kỹ thuật. Phấn đấu cuối năm 2021 hoàn thành quy hoạch mới 03 KCN, quy hoạch mở rộng 02 KCN trên phần diện tích 1.155 ha đất công nghiệp theo Nghị

quyết số 23/NQ-HĐND ngày 18/9/2020 của HĐND tỉnh. Triển khai dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Bắc) giai đoạn 2. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng 02 dự án kho xăng dầu Đồng Sơn và kho xăng dầu Quang Châu; Dự án hạ tầng kho bãi Logistic Quốc tế thành phố Bắc Giang.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp phục vụ cho phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; trong đó coi trọng đầu tư phát triển thủy lợi phục vụ sản xuất, phòng chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu. Hoàn thiện các thủ tục để khởi công các dự án: Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Khám Lạng; trạm bơm Ngòi Mân, xã Yên Sơn, huyện Lục Nam; Xây mới trạm bơm công Rụt, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang.

Hoàn thành Quy hoạch phân khu, khu số 7, 8, 9 thành phố Bắc Giang; Quy hoạch phân khu dọc hai bên tuyến đường Vành đai 4 (Hà Nội) đoạn qua tỉnh. Đôn đốc lập, thẩm định các quy hoạch, nhất là quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng để làm căn cứ cho các nhà đầu tư triển khai lập dự án. Đẩy nhanh đầu tư phát triển đô thị và thực hiện kế hoạch phát triển đô thị. Thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động xây dựng; thẩm định dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng sau cấp phép... theo quy định.

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung nhiệm vụ, giải pháp Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND tỉnh. Tiếp tục nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử; xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC). Nghiên cứu ban hành một số quy định để hoàn thiện môi trường pháp lý như: Quy định về chuẩn tích hợp và trao đổi dữ liệu trong sử dụng hệ thống nền tảng tích hợp dữ liệu; Quy định về chuẩn hóa tạo lập, cập nhật, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu và sử dụng cơ sở dữ liệu giữa các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh.

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án khôi nhà trung tâm, khối nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh; đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Phục hồi chức năng, Trung tâm Y tế huyện Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa; hoàn thành thủ tục khởi công mở rộng, nâng cấp một số trung tâm y tế tuyến huyện như: Lục Ngạn, Việt Yên và Yên Dũng.

5. Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, chú trọng bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu

Tăng cường thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2020 của BTV Tỉnh ủy về tăng cường kiểm tra, thanh tra để xử lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai. Tập trung tháo gỡ khó khăn về thủ tục hành chính, trên cơ sở đó đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, doanh nghiệp nhằm đầu tư theo đúng quy định. Có giải pháp tạo chuyển biến trong công tác bồi thường, GPMB; đồng thời chủ động trong việc bố trí nguồn đất san lấp mặt bằng để triển khai thực hiện các dự án, nhằm tạo quỹ đất “sạch”, phục vụ cho công tác thu hút đầu tư.

Đẩy mạnh giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường. Quan tâm đầu tư dân từng bước theo đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các đô thị; ô nhiễm sông, suối, hồ ao; giải quyết vấn đề ngập úng tại các đô thị ... Thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy, Kế hoạch số 58/KH-

UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh về việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường; tạo chuyển biến rõ nét về môi trường nông thôn; tập trung triển khai bồi thường, GPMB; triển khai chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng các lò đốt rác và hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt theo Nghị quyết số 06/2020/NĐ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh.

Tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm đối với các dự án sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm. Nghiên cứu lựa chọn công nghệ xử lý rác phù hợp, đảm bảo môi trường; đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung tại thành phố Bắc Giang và huyện Lục Ngạn theo kế hoạch; hoàn thành bồi thường, GPMB các khu đất đã quy hoạch tại huyện Lục Nam và huyện Hiệp Hòa để làm cơ sở lựa chọn nhà đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác theo công nghệ hiện đại. Tập trung giải quyết vấn đề xây dựng nghĩa trang, thu hút đầu tư xây dựng nhà tang lễ; tăng cường tuyên truyền, vận động hỏa táng trên toàn tỉnh.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền gắn vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp huyện, xã trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, đặc biệt là hoạt động khai thác đất trái phép. Tiếp tục tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo kế hoạch; đồng thời, tập trung xử lý các vướng mắc sau cấp quyền khai thác khoáng sản. Tăng cường liên kết vùng trong ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

6. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Thực hiện rà soát, dự báo quy mô phát triển, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục đảm bảo hợp lý. Chuẩn hóa hệ thống trường lớp, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm huy động nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, nhất là ở các KCN. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục theo hướng thực chất và bền vững; duy trì vững chắc chất lượng giáo dục mũi nhọn; nâng cao chất lượng và tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng dạy, học tiếng Anh.

Có giải pháp đột phá về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới; tập trung đào tạo lao động có tay nghề, kỹ thuật, chất lượng cao, góp phần tăng năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đổi mới công tác quản lý gắn với tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Hỗ trợ nâng cao nhận thức của người lao động về ý thức, tác phong, kỷ luật trong lao động. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động kết nối toàn quốc để người lao động và doanh nghiệp nắm bắt thông tin nhu cầu việc làm, thông tin về lao động, việc làm cả trong và ngoài nước.

Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, đặc biệt là những vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp như: Xây dựng nhà ở công nhân; cấp nước sinh hoạt, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường... thông qua việc đầu tư từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội, trọng tâm là nguồn lực của các doanh nghiệp đầu tư tại các KCN. Quán triệt triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định công nghệ các dự án thu hút đầu tư.

7. Phát huy giá trị văn hoá; nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội

Triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước theo kế hoạch. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống. Nâng cao chất lượng phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng NTM và văn minh đô thị.

Tiếp tục triển khai Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030. Tổ chức Lễ đón nhận Bằng xếp hạng di tích cấp Quốc gia đặc biệt ATKII Hiệp Hòa. Tổ chức khai Hội Xuân Tây Yên Tử và các hoạt động văn hóa - lễ hội - du lịch đầu xuân năm 2021. Tổ chức Đại hội TDTT các cấp, tiến tới Đại hội TDTT tỉnh năm 2022. Thực hiện hiệu quả Đề án quản lý, sử dụng Nhà thi đấu thể thao tỉnh; chủ động phối hợp tổ chức các giải thể thao quy mô lớn tại tỉnh.

Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, nâng cao năng lực giám sát, phòng, chống dịch bệnh, năng lực kiểm tra, giám sát đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Chủ động phòng, chống dịch bệnh; phát hiện sớm, kịp thời không chế không để dịch lớn xảy ra; ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới. Tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác công – tư, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế.

Tiếp tục duy trì việc thực hiện tốt các chính sách xã hội, chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ, người yếu thế trong xã hội, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân các xã đặc biệt khó khăn; quan tâm giải quyết việc làm, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa vùng dân tộc với các vùng khác trong tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, đặc biệt là đối tượng tham gia tự nguyện; duy trì và phát triển bền vững đối tượng tham gia BHYT.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính (*PAR INDEX*) và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (*SIPAS*) của tỉnh và các sở, ngành, địa phương năm 2021. Tổ chức đánh giá, xếp loại người đứng đầu năm 2020 và giao nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 cho Giám đốc, thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch UBND huyện, thành phố. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý các cấp; đề cao trách nhiệm, ý thức của cán bộ công chức, viên chức, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong thực thi nhiệm vụ.

Phối hợp chuẩn bị các điều kiện tổ chức thành công bầu cử Quốc hội, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử. Xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, nhất là cấp cơ sở. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với trách nhiệm giải trình đối với các cơ quan dân cử, nhân dân trên các lĩnh vực, nhất là về đất đai, tài chính, KNTC.... Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình thành lập thị trấn Phương Sơn, huyện Lục Nam và thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa.

Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp

luật và sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính, tinh giản biên chế; tăng cường gửi, nhận văn bản điện tử có ký số. Thực hiện sắp xếp của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. Nâng cao tính sáng tạo, chất lượng công tác tham mưu, xây dựng, thẩm định các cơ chế, chính sách, tạo sự chuyển biến, đột phá trên các các lĩnh vực. Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ. Quan tâm giải quyết chế độ chính sách cán bộ, công chức cấp xã dôi dư và các vấn đề phát sinh ở các xã sau khi sát nhập.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC. Thực hiện hiệu quả Đề án “*Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN, giai đoạn 2019-2021*”. Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, gây khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị trong nhân dân. Giải quyết kịp thời các vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài. Tiếp tục triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra gắn với thực hiện Quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra.

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản; công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đổi mới hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật các cấp. Tập trung thực hiện tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

9. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; tạo môi trường thuận lợi cho phát triển

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8 (khoá XI), Chương trình hành động số 59-CTr/TU ngày 02/6/2014 của Tỉnh ủy về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về khu vực phòng thủ và các nghị quyết, chỉ thị về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các Đề án “xây dựng huấn luyện và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025” và “xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2021-2025”. Triển khai tốt công tác tuyển quân, hoàn thành chỉ tiêu được giao.

Thực hiện hiệu quả Đề án nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giai đoạn 2020-2025; Đề án triển khai lắp đặt hệ thống camera an ninh trong phạm vi toàn tỉnh. Nắm chắc tình hình, chỉ đạo giải quyết tốt các vấn đề phức tạp nổi lên liên quan đến tôn giáo, dân tộc, các điểm mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện phức tạp đông người; các vấn đề an ninh trật tự tại các địa bàn trọng điểm về công nghiệp, không để phát sinh thành điểm nóng, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển, nhất là thời điểm diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Chủ động phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm, đặc biệt tội phạm về ma túy, cờ bạc, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tín dụng đen và các băng, ổ, nhóm tội phạm hoạt động có tính chất chuyên nghiệp, các tội phạm thu hút sự quan tâm và gây bức xúc dư luận xã hội như: Trộm cắp tài sản, xâm hại trẻ em. Quản lý

chặt chẽ hoạt động của người nước ngoài. Nâng cao năng lực đấu tranh tội phạm sử dụng công nghệ cao. Quản lý chặt chẽ hoạt động của người nước ngoài; xử lý nghiêm, kịp thời các vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh, cư trú, lao động.

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, kiểm chế tai nạn và ùn tắc giao thông. Tập trung xây dựng hệ thống giám sát, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông trên đường cao tốc, một số quốc lộ trọng điểm; giải quyết dứt điểm tình trạng xe quá khổ, quá tải. Chú trọng công tác phòng cháy, chữa cháy, nhất là ở khu đông dân cư, nhà cao tầng, khu cụm công nghiệp.

10. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, thể thao phục vụ các nhiệm vụ chính trị, chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, bầu cử Quốc hội, HĐND các cấp, các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm của đất nước và của tỉnh. Chú trọng tuyên truyền, cổ vũ những gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến, vượt khó vươn lên, có tác động lan toả tích cực, khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc và khát vọng vươn lên. Kiểm soát chặt chẽ các thông tin báo chí và thông tin trên mạng xã hội nhằm đưa tin, phản ánh trung thực, khách quan về tình hình kinh tế - xã hội, và các vấn đề nổi cộm được dư luận quan tâm; xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng dân chủ, đưa thông tin xấu, sai sự thật.

Phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với các cơ quan của Đảng, HĐND các cấp trong việc kiểm tra, theo dõi, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ. Tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, phát huy quyền làm chủ của các tổ chức xã hội, hội, hiệp hội và của nhân dân trong mọi lĩnh vực; góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2021; UBND tỉnh Bắc Giang trân trọng báo cáo. /.

Nơi nhận: *Đ*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Thường trực TU, HĐND, UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khoá XVIII;
- Các ĐB dự kỳ họp thứ 12;
- Các Ban của Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Văn phòng TU, HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP.UBND tỉnh;
- + LĐVP;
- + Các phòng, trung tâm, TKCT.
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ánh Dương



**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI KẾ HOẠCH NĂM 2020**

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	KH 2020	UTH KH 2020	Ghi chú
1	Tốc độ phát triển GRDP	%	117.1	113.02	Không đạt
	Nông - Lâm, thủy sản	%	103.2	106.65	
	Công nghiệp - Xây dựng	%	124.1	118.67	
	<i>Trong đó: + Công nghiệp</i>	%	126.7	119.92	
	<i>+ Xây dựng</i>	%	109.0	111.38	
	Dịch vụ	%	106.8	101.31	
	Thuế sản phẩm	%	107.1	106.74	
*	Cơ cấu kinh tế 3 ngành kinh tế	%	100	100	
	Nông - Lâm, thủy sản	%	15.2	17.5	
	Công nghiệp - Xây dựng	%	58.9	58.3	
	Dịch vụ (gồm thuế sản phẩm)	%	25.9	24.2	
2	GRDP bình quân đầu người	USD	3,000	2,900	Không đạt
3	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	10,195	10,584	Vượt
4	Huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	62,785	59,610	Không đạt
5	Kim ngạch xuất khẩu	10 ⁶ USD	9,500	11,210	Vượt
	<i>Kim ngạch nhập khẩu</i>	10 ⁶ USD	9,200	10,580	Vượt
6	Giá trị sản xuất trên 1ha đất sản xuất nông nghiệp	Triệu đồng	110	120	Vượt
7	Tỷ lệ dân số đô thị	%	22.22	21.7	Không đạt
8	Số lượt khách du lịch	10 ³ Người	2,500	790	Không đạt
9	Tỷ lệ các xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	67.4	67.4	Đạt
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	93.2	93.2	Đạt
11	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020	%	100	100	Đạt
	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	27.0	27.0	Đạt
	Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT	%	99.0	99.0	Đạt
12	Tỷ lệ hộ gia đình văn hoá	%	87	87	Đạt
	Tỷ lệ làng, bản, tổ dân phố văn hoá	%	72	77	Vượt
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	%	51.1	51.1	Đạt

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	KH 2020	UTH KH 2020	Ghi chú
	Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	%	72.0	72.0	Đạt
13	Tỷ lệ hộ nghèo	%	3.50	3.50	Đạt
	Trong đó: Các xã đặc biệt khó khăn	%	17.61	17.61	Đạt
14	Số lao động được giải quyết việc làm	Người	31,000	32,500	Vượt
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70.0	70.0	Vượt
15	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%	90.2	87.0	Không đạt
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98.0	98.0	Đạt
16	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%	76.4	90.6	Vượt
	Trong đó: Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh	%	93.3	74.5	Không đạt
17	Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả)	%	38.0	38.0	Đạt



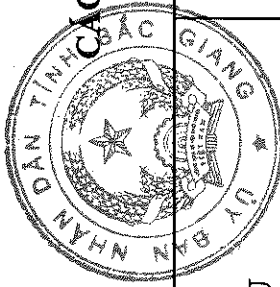
**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH
KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2021**

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Kết quả năm 2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 5 năm 2021-2025
1	Tốc độ phát triển GRDP	%	13.02	114.5	14-15%/năm
*	<i>Cơ cấu kinh tế 3 ngành kinh tế</i>	%	100.0	100.0	100
	Nông - Lâm, thủy sản	%	17.5	15.8	11.0
	Công nghiệp - Xây dựng	%	58.3	60.6	68.4
	Dịch vụ (gồm thuế sản phẩm)	%	24.2	23.6	20.6
2	GRDP bình quân đầu người	USD	2,900	3,280	5.500-6.000
3	Tốc độ tăng năng xuất lao động bình quân	%	9.9	15.1	13.2
4	Thu ngân sách nhà nước tăng bình quân	Tỷ đồng	10,584	10,086	14-16%/năm
5	Huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	59,610	68,260	470.000 (cả giai đoạn)
6	Giá trị sản xuất trên 1ha đất sản xuất nông nghiệp	Triệu đồng	120	125	140
7	Khách du lịch	Triệu lượt	0.79	1.2	3
8	Tỷ lệ dân số đô thị	%	21.7	23.0	32.4
9	Tỷ lệ các xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	67.4	75.0	84.8
	Huyện nông thôn mới (lũy kế)	Huyện	3	4	6
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	%	93.2	94.1	96.4
	Đạt mức độ 2	%	12.2	13.6	21.4
11	Số giường bệnh/vạn dân	%	27.0	28.2	31.7
	Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT	%	99.0	99.0	99.0
	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia BHXH	%	32.0	35.0	47.0
12	Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hoá	%	77.0	80.7	82.5
	Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	%	72.0	76.0	85.0
	Tỷ lệ xã có đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, cấp xã	%	85.6	86.1	90
13	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2016-2020)	%	3.5	2.5	1.0
	Trong đó: Các xã đặc biệt khó khăn	%	17.6	13.6	12.6
14	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70,0	72,0	80.0

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Kết quả năm 2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 5 năm 2021-2025
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	18.6	20.1	25.1
	Tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị	%	3.1	3.0	2.6
*	Cơ cấu lao động	%	100.0	100.0	100.0
	Nông - Lâm, thủy sản	%	38.1	35.8	25.7
	Công nghiệp - Xây dựng	%	37.5	39.7	25.7
	Dịch vụ	%	24.4	24.5	48.6
15	Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch (<i>QCVN02 trở lên</i>)	%	80.5	81.0	82.7
	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch (<i>QCVN02</i>)	%	77.3	78.0	80.0
	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%	87.0	91.1	94.8
16	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom được xử lý hợp vệ sinh	%	74.5	78.0	85.0
	Thành thị	%	90.0	92.0	96.0
	Nông thôn	%	60.0	65.0	75.0
17	KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100.0	100.0	100.0
	CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn	%	50.0	50.0	100.0
	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	91.3	100.0	100.0
18	Tỷ lệ che phủ rừng (<i>không tính cây ăn quả</i>)	%	38	38	38

Biểu mẫu số 1

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP



STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện cả năm		TH 2020/ TH 2019	KH 2021/ TH 2020
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) (giá SS 2010)	Tỷ đồng	70,686	84,403	79,886	91,485	113.02	114.5
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	10,558	10,895	11,260	11,486	106.7	102.0
	- Công nghiệp-Xây dựng	Tỷ đồng	43,874	55,830	52,065	62,426	118.7	119.9
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	Tỷ đồng	37,450	48,533	44,910	54,342	119.9	121.0
	<i>Xây dựng</i>	Tỷ đồng	6,423	7,297	7,154	8,085	111.4	113.0
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	14,527	15,851	14,717	15,600	101.3	106.0
	- Thuế sản phẩm	Tỷ đồng	1,727	1,828	1,844	1,973	106.7	107.0
-	Tốc độ phát triển GRDP	%	116.2	117.1	113.02	114.5	-	-
2	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) (giá HH)	Tỷ đồng	105,517	128,645	123,604	144,505	-	-
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	17,175	19,607	21,584	22,879	-	-
	- Công nghiệp-Xây dựng	Tỷ đồng	59,238	75,768	72,084	87,555	-	-
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	Tỷ đồng	50,272	64,133	61,405	75,222	-	-
	<i>Xây dựng</i>	Tỷ đồng	8,965	11,635	10,678	12,334	-	-
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	26,612	30,078	27,254	30,934	-	-
	- Thuế sản phẩm	Tỷ đồng	2,492	3,192	2,681	3,137	-	-

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)								
				Kế hoạch	Thực hiện cả năm		TH 2020/ TH 2019	KH 2021/ TH 2020							
3	Cơ cấu tổng giá trị gia tăng theo 3 ngành kinh tế (giá hiện hành)	%	100	100	100	100	-	-							
									- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	16.3	15.2	17.5	15.8	-	-
									- Công nghiệp-Xây dựng	56.1	58.9	58.3	60.6	-	-
									<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	47.6	49.9	49.7	52.1	-	-
									<i>Xây dựng</i>	8.5	9.0	8.6	8.5	-	-
									- Dịch vụ (gồm thuế sản phẩm)	27.6	25.9	24.2	23.6	-	-
4	GRDP bình quân đầu người	USD	2,540	3,025	2,900	3,280	-	-							
5	Năng suất lao động xã hội (giá hiện hành)	Triệu đồng/ lao động	96.8	117.9	109.5	130.1	-	-							
									- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	37.8	56.3	50.4	57.1	-	-
									- Công nghiệp-Xây dựng	151.7	172.2	168.3	199.7	-	-
									- Dịch vụ	108.5	110.0	101.6	113.6	-	-
6	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội (giá SS 2010)	%	115.3	115.2	109.9	115.1	-	-							
									- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	104.2	107.5	113.0	109.2	-	-
									- Công nghiệp-Xây dựng	113.3	113.5	109.6	115.8	-	-
									- Dịch vụ	103.3	103.5	92.8	102.0	-	-

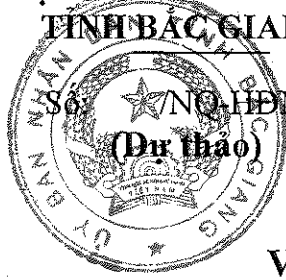
STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện cả năm		TH 2020/ TH 2019	KH 2021/ TH 2020
5	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn							
	- So với tháng 12 năm trước năm báo cáo	%	106.6	104.2	106.5	104.7	-	-
	- CPI bình quân so với bình quân cùng kỳ năm trước năm báo cáo	%	101.1	103.5	105.4	103.8	-	-
6	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	12,051.3	10,194.8	10,584.3	10,086.1	87.8	95.3
a)	<i>Thu nội địa</i>	Tỷ đồng	10,863.7	8,864.8	9,489.0	8,936.1	87.3	94.2
*	<i>Tổng thu trừ tiền sử dụng đất, thu XSKT, Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế</i>	Tỷ đồng	4,578.4	4,836.8	4,938	4,518	107.9	91.5
	- Thu từ DNNN TW	Tỷ đồng	409.2	410	410	380	100.2	92.7
	- Thu từ DNNN ĐP	Tỷ đồng	92.1	92	121	75	131.3	62.0
	- Thu từ DN có vốn đầu tư NN	Tỷ đồng	833.4	1,044	1,044	965	125.3	92.4
	- Thu từ khu vực NQD	Tỷ đồng	906.9	1,020	1,020	1,060	112.5	103.9
	- Thuế thu nhập cá nhân	Tỷ đồng	640.6	750	750	650	117.1	86.7
	- Thuế bảo vệ môi trường	Tỷ đồng	437.7	430	430	335	98.3	77.9
	- Lệ phí trước bạ	Tỷ đồng	527.5	560	447.3	520	84.8	116.3
	- Khoản thu còn lại	Tỷ đồng	731.0	530.8	716	533	98.0	74.4
*	<i>Thu xổ số kiến thiết</i>	Tỷ đồng	27.14	25.0	25	25	92.1	100.0
*	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	Tỷ đồng	6,232.4	4,000	4,520	4,390	72.5	97.1
*	<i>Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế</i>	Tỷ đồng	3.85	3.0	5.52	3.0	143.2	54.4

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện cả năm		TH 2020/ TH 2019	KH 2021/ TH 2020
*	Thu tiền bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước	Tỷ đồng	21.83	-	0.0	0.0	0.0	-
b)	Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	1,187.6	1,330	1,095.3	1,150.0	92.2	105.0
	- Thuế: Xuất khẩu, giá trị gia tăng, BVMT	Tỷ đồng	1,052.0	1,145.0	967.3	1,020.0	91.9	105.4
	- Thuế nhập khẩu	Tỷ đồng	135.6	185.0	128.0	130.0	94.4	101.6
7	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	23,544	17,167	23,366.0	16,764.8	99.2	71.7
	<i>Trong đó:</i>							
a)	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng	7,011.9	6,328	9,220.0	6,292.9	131.5	68.3
	- Vốn cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	5,768	4,702	7,012.4	5,031	121.6	71.7
	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu SDD	Tỷ đồng	2,323.2	4,000	6,167	4,390	265.4	71.2
	- Hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách TW	Tỷ đồng	1,150	1,522.8	1,938	1,262	168.5	65.1
	+ Các chương trình mục tiêu	Tỷ đồng	169.8	386.5	601	1,009.2	353.9	167.9
	+ Vốn ODA	Tỷ đồng	634.4	647.4	648	252.6	102.1	39.0
	+ Chương trình mục tiêu quốc gia	Tỷ đồng	346.2	488.8	689		199.0	0.0
	- Vốn Trái phiếu chính phủ	Tỷ đồng	93.6	103.4	270		288.5	0.0
	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	11,370	10,333	11,178.5	10,108	98.3	90.4
	<i>Trong đó:</i>							
	- Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo	Tỷ đồng	4,343.1	4,625.0	4,728.5	4,623.5	108.9	97.8
	- Chi sự nghiệp y tế	Tỷ đồng	1,163.2	1,037.8	1,285.6	986.7	110.5	76.7
	- Chi quản lý hành chính nhà nước	Tỷ đồng	2,000.6	1,868.4	1,901.2	1,794.5	95.0	94.4



STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện cả năm		TH 2020/ TH 2019	KH 2021/ TH 2020
	- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Tỷ đồng	28.0	32.0	43.3	31.9	154.8	73.6
10	Cải cách hành chính							
	Thứ hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI	Xếp thứ	40	30	-	<27	-	-
	Thứ hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	Xếp thứ	4	-	-	4	-	-
	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh so với bình quân cả nước (Par-Index)	Xếp thứ	25	Nhóm 20	-	<18	-	-
11	Số doanh nghiệp đang hoạt động và kê khai thuế đến cuối kỳ báo cáo	Doanh nghiệp	6,223	7,903	7,900	9,500	126.9	120.3

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG



Số **NO. HEND**
(Dự thảo)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu
phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Sau khi xem xét Báo cáo số 110/BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2021; Báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. HĐND tỉnh thống nhất với những nhận định, đánh giá tại báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; đó là: Trong khó khăn, kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn đạt được kết quả toàn diện, nổi bật trên nhiều lĩnh vực. Nền kinh tế hồi phục nhanh, tốc độ tăng trưởng đạt 13,02%, đứng đầu cả nước. Lĩnh vực nông nghiệp đạt nhiều thành tích nổi bật, khẳng định vững chắc vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế; sản xuất công nghiệp phục hồi mạnh mẽ; giá trị xuất, nhập khẩu tăng cao. Hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được cải thiện. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp đạt kết quả khá, nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước. Thu ngân sách vượt dự toán; chi ngân sách Nhà nước tiết kiệm, hiệu quả. Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng giảm mạnh. Phong trào xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật...

Công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện hiệu quả, đã kiểm soát tốt dịch Covid - 19. Các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân được tập trung chỉ đạo, ngày càng tiến bộ; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống nhân dân cơ bản ổn định. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được nâng lên; việc sáp nhập bộ máy chính quyền các cấp, các ngành được thực hiện nghiêm túc. Công tác cải cách hành chính đạt kết quả tích cực. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tai nạn giao thông giảm cả ba tiêu chí...

Tuy nhiên, dịch Covid -19 cùng với thời tiết diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của tỉnh. Có 07/17 chỉ tiêu chủ yếu không hoàn thành kế hoạch. Hầu hết các ngành sản xuất quan trọng

tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ. Môi trường đầu tư được cải thiện song còn chưa chuyển biến rõ rệt. Hạ tầng khu công nghiệp sẵn sàng thu hút đầu tư còn thiếu. Hệ thống khách sạn, nhà hàng, các cơ sở lưu trú chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa có nhiều chuyển biến. Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư BT vẫn còn nhiều vướng mắc, tiến độ chậm. Một số dự án khu đô thị, khu dân cư mới tiến độ chậm. Quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản tại một số địa phương còn thiếu chặt chẽ; việc giải quyết vấn đề rác thải, nước thải ra môi trường còn lúng túng.

Số học sinh/lớp ở một số địa phương, đơn vị còn cao. Tình trạng thiếu hụt nhân lực y tế ở tuyến huyện, nhất là nhân lực có năng lực chuyên môn cao vẫn chưa khắc phục được. Chất lượng lao động chưa cao, thiếu lao động lành nghề. Việc triển khai các chủ trương chính sách của tỉnh ở một số địa phương có lúc chưa kịp thời. Việc bố trí, sắp xếp cán bộ dôi dư và giải quyết các vấn đề sau sáp nhập xã ở một số địa phương còn nhiều khó khăn. Kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số địa phương chưa có chuyển biến rõ nét. Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến mức 3 và 4 còn thấp và không đồng đều giữa các sở, ngành. Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Tiến độ và chất lượng giải quyết khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền cấp huyện chưa đảm bảo. Tình trạng xe khách dừng đón trả khách trái phép; ùn tắc giao thông tại các khu công nghiệp, xe quá khổ, quá tải chưa được giải quyết triệt để. Cháy, nổ vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, số vụ cháy tăng so với cùng kỳ...

Điều 2. HĐND tỉnh nhất trí thông qua mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, cụ thể là:

1. Mục tiêu

Củng cố, đẩy nhanh quá trình phục hồi kinh tế trên cơ sở kiểm soát tốt dịch Covid-19. Tạo chuyển biến rõ nét trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút các nguồn vốn đầu tư chất lượng. Phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, giao thông và đô thị theo hướng hiện đại, đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chú trọng quản lý tài nguyên, khoáng sản; giải quyết tốt các vấn đề về môi trường. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; tạo chuyển biến mạnh mẽ và thực chất hơn trong cải cách hành chính. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho phát triển. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, tạo đà vững chắc cho thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- (1) Phấn đấu tốc độ tăng GRDP đạt 14,5%; cơ cấu kinh tế: công nghiệp - xây dựng 60,6%; dịch vụ 23,6%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 15,8%;
- (2) GRDP bình quân đầu người đạt 3.280 USD;
- (3) Tốc độ tăng năng suất lao động 15,1%;
- (5) Thu ngân sách nhà nước đạt 10.086 tỷ đồng;
- (5) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên 68,2 nghìn tỷ đồng;

- (6) Giá trị sản xuất/01ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 125 triệu đồng;
- (7) Khách du lịch 1,2 triệu lượt;
- (8) Tỷ lệ dân số đô thị đạt 23%;
- (9) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 75%; thêm 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (*lũy kế 4 huyện*);
- (10) Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 93,7%, mức độ 2 đạt 13,8%;
- (11) Số giường bệnh/10.000 dân (*không tính giường của trạm y tế xã và PKĐKKV*) đạt 28,2 giường; duy trì tỷ lệ người dân có thẻ BHYT đạt trên 99%; 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH;
- (12) Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hoá 80,7%; tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị 76%; tỷ lệ xã có đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, cấp xã 86,1%;
- (13) Tỷ lệ hộ nghèo (*theo chuẩn giai đoạn 2016-2020*) còn 2,5%; trong đó các xã đặc biệt khó khăn còn 13,6%;
- (14) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 72%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 20,1%; tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị 3%; cơ cấu lao động: nông, lâm nghiệp, thủy sản 35,8%; công nghiệp - xây dựng 39,7%; dịch vụ 24,5%;
- (15) Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch (*đạt QCVN02 trở lên*) đạt 81% (*trong đó tỷ lệ dân số thành thị được dùng nước sạch đạt 91,1%; tỷ lệ dân số nông thôn đạt tiêu chuẩn QCVN02 đạt 78%*);
- (16) Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom xử lý hợp vệ sinh đạt 78% (*thành thị 92%, nông thôn 65%*);
- (17) Khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%; CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn 50%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 100%;
- (18) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38%.

3. Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chủ yếu trên, HĐND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau

(1) Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch Covid-19. Tiếp tục tập trung thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch có hiệu quả, vừa tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội; coi việc bảo đảm an toàn với dịch bệnh là trọng tâm để phát triển kinh tế-xã hội.

(2) Thực hiện công bố rộng rãi Quy hoạch tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ngay sau khi quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách đã ban hành giai đoạn 2016-2020; nghiên cứu, đề xuất ban hành các chính sách, chương trình, đề án cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. Tập trung giải quyết những vấn đề cấp thiết trước mắt và lâu dài, nhằm giải quyết các điểm nghẽn, tạo chuyển biến rõ nét trên một số lĩnh vực như: Chất lượng nguồn nhân lực, hạ tầng giao thông, thủy lợi, khu công nghiệp, đô thị, nhà ở công nhân, du lịch, các vấn đề về môi trường ...

(3) Tăng cường hỗ trợ, đẩy nhanh quá trình phục hồi ngành công nghiệp theo hướng bền vững; tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, tạo ra nhiều sản

phẩm thương hiệu, có sức cạnh tranh và tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu; thúc đẩy phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ. Thực hiện hiệu quả chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2019-2025. Phát triển chăn nuôi tập trung quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn VietGap gắn với thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh. Tập trung xây dựng nông thôn mới. Tập trung hỗ trợ, phát triển một số loại dịch vụ có tiềm năng, lợi thế; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics, dịch vụ du lịch, khách sạn và các dịch vụ hỗ trợ đáp ứng yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường, nhu cầu của xã hội. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sân Golf đã được chấp thuận đầu tư.

(4) Triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp nâng hạng chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ đầu tư; nghiên cứu thành lập Ban xúc tiến đầu tư trực thuộc UBND tỉnh, Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh. Triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025. Huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, ưu tiên hạ tầng giao thông trọng điểm, hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng thủy lợi trọng yếu, hạ tầng đô thị và du lịch, hạ tầng giáo dục, y tế thiết yếu, hạ tầng công nghệ thông tin - công nghệ số, tạo nền tảng để phát triển kinh tế số và xã hội số.

(5) Tạo chuyên biến mạnh mẽ trong công tác bồi thường, GPMB; chủ động trong việc bố trí nguồn đất san lấp mặt bằng để triển khai thực hiện các dự án. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền gắn vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp huyện, xã trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, đặc biệt là hoạt động khai thác đất trái phép. Đẩy mạnh giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường. Tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường; tạo chuyên biến rõ nét về môi trường nông thôn. Tiếp tục thu hút, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án nhà máy xử lý rác thải.

(6) Có giải pháp đột phá về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới; tập trung đào tạo lao động có tay nghề, kỹ thuật, chất lượng cao, góp phần tăng năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đổi mới công tác quản lý gắn với tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Tập trung giải quyết vấn đề nhà ở công nhân, chuyên gia, thu hút, tạo điều kiện cho lao động đến làm việc tại các khu công nghiệp của tỉnh.

(7) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa xã hội. Chuẩn hóa hệ thống trường lớp, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo nhằm huy động nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, nhất là ở các khu công nghiệp. Phát huy giá trị văn hoá; nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội. Tăng cường thu hút nguồn lực, xã hội hóa y tế phát triển y tế tư nhân. Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, đặc biệt là đối tượng tham gia tự nguyện.

(8) Phối hợp chuẩn bị các điều kiện tổ chức thành công bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử. Xây dựng chính quyền vững mạnh, nhất là cấp cơ sở. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, đặc biệt là cán bộ quản lý các cấp gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật và sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính, tinh giản biên chế. Quan tâm giải quyết chế độ chính sách cán bộ, công chức cấp xã dôi dư và các vấn đề phát sinh ở các xã sau sát nhập. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra.

(9) Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các Đề án: “xây dựng huấn luyện và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ, giai đoạn 2021-2025”, “xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2021-2025”; “nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giai đoạn 2020-2025” và Đề án “triển khai lắp đặt hệ thống camera an ninh trong phạm vi toàn tỉnh”. Nắm chắc tình hình, chỉ đạo giải quyết tốt các vấn đề phức tạp không để phát sinh thành điểm nóng, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, kiểm chế tai nạn và ùn tắc giao thông. Chú trọng công tác phòng cháy, chữa cháy..

(10) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, thể thao phục vụ các nhiệm vụ chính trị, chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, bầu cử Quốc hội, HĐND các cấp, các ngày lễ lớn. Kiểm soát chặt chẽ các thông tin báo chí và thông tin trên mạng xã hội. Tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ 12 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Lưu VT, TH.
- * **Bản điện tử:**
- Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ, VP.UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh uỷ, UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Các tổ chức xã hội nghề nghiệp tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP; chuyên viên;
 - + Trung tâm Thông tin.

CHỦ TỊCH

Số: 31/BC-HĐND

Bắc Giang, ngày 30 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

Ngày 23/11/2020, Thường trực HĐND tỉnh đã tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2021. Được sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã phối hợp với Ban Pháp chế, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra, cụ thể như sau:

I. Về trình tự, thủ tục

Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng đúng trình tự, thủ tục, thể thức văn bản thực hiện theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Dự thảo Nghị quyết đã được tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thành phố và đã được UBND tỉnh thông qua.

II. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết

1. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

Các Ban của HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với nhận định, đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020. Tuy nhiên, để phản ánh đầy đủ, sâu sắc hơn và sát với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, đề nghị UBND tỉnh đánh giá sâu một số nội dung, cụ thể như sau:

- Mặc dù kinh tế của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, song vẫn còn 07/17 chỉ tiêu chủ yếu không hoàn thành kế hoạch.

- Bổ sung đánh giá về chất lượng tăng trưởng và hiệu quả nền kinh tế chưa cao; giá trị sản xuất công nghiệp phục thuộc ngày càng nhiều vào doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Tiến độ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp còn chậm; hạ tầng xử lý nước thải chưa kịp thời. Việc giải quyết các vấn đề lớn như ô nhiễm môi trường sông Cầu, triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU, Kế hoạch số 58/KH-UBND về huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường hiệu quả chưa cao.

- Công tác quy hoạch, kế hoạch trong quản lý đất đai còn bất cập, chưa theo kịp với thực tế phát triển nên thường xuyên phải điều chỉnh, bổ sung. Việc quản lý đất đai ở cơ sở chưa chặt chẽ. Tình trạng tự ý chuyển mục đích sử

dụng đất cây hàng năm sang mục đích khác; việc khai thác đất san lấp, cát, sỏi trái phép vẫn xảy ra nhưng chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

- Công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở một số địa phương còn hạn chế, đặc biệt ở cấp xã. Tình trạng mất cân đối trong cơ cấu giáo viên đã diễn ra nhiều năm nhưng chưa có biện pháp khắc phục. Việc sắp xếp, sáp nhập, tổ chức lại các cơ sở giáo dục ở một số địa phương chưa thực sự phù hợp với tình hình thực tiễn, hiệu quả chưa cao, ảnh hưởng chất lượng giáo dục.

- Nguy cơ dịch bùng phát dịch Covid -19 vẫn còn rất lớn. Tình trạng thiếu hụt nhân lực y tế ở tuyến huyện, nhất là nhân lực có năng lực chuyên môn cao vẫn chưa khắc phục được. Hoạt động hành nghề y dược tư nhân trái phép còn diễn ra. Hoạt động y tế thôn, bản tại nhiều địa phương hiệu quả không cao.

- Công tác quản lý nhà nước về lao động nước ngoài chưa chặt chẽ. Hạ tầng xã hội quanh các khu công nghiệp, nhà ở xã hội cho công nhân chưa theo kịp tốc độ phát triển; các vấn đề an ninh trật tự, môi trường quanh các khu công nghiệp ngày càng phức tạp. Các cơ sở dạy nghề gặp nhiều khó khăn trong công tác tuyển sinh. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện ở khu vực nông thôn còn thấp; việc xử lý doanh nghiệp chưa tham gia BHXH, nợ BHXH còn hạn chế.

- Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành của tỉnh trong thực thi công vụ hiệu quả chưa cao dẫn đến còn nhiều băn khoăn từ chính quyền cơ sở và doanh nghiệp.

- Số lượng cán bộ, công chức dôi dư sau sắp xếp vẫn còn nhiều; việc bố trí, sắp xếp bộ máy, cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách kiêm các chức danh khác còn gặp nhiều khó khăn.

- Chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo tại một số địa phương, đơn vị còn hạn chế. Một số quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật tổ chức thực hiện còn chậm, chưa dứt điểm, trong đó có việc xem xét, xử lý cán bộ sai phạm chưa kịp thời, gây bức xúc trong nhân dân. Một số cuộc thanh tra kéo dài, chất lượng hạn chế.

- Tình hình tội phạm vẫn diễn biến phức tạp, một số loại tội phạm tăng cao. Tệ nạn ma túy có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, đã xuất hiện một số điểm hoạt động bán lẻ ma túy theo kiểu “boong ke” nhưng chưa được xử lý triệt để. Tình trạng các đối tượng tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy trong các cơ sở kinh doanh có điều kiện (*nhà nghỉ, khách sạn, quán Karaoke*) còn xảy ra.

2. Một số nhiệm vụ chủ yếu cần tập trung thực hiện năm 2021

Các Ban của HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung một số giải pháp sau:

- Tập trung nghiên cứu, xây dựng các chương trình, đề án cụ thể hóa các mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 19 đã đề ra.

- Tiếp tục tập trung công tác phòng, chống dịch Covid-19; đánh giá và dự báo về nguy cơ dịch bùng phát trở lại để kịp thời có các biện pháp ứng phó nhằm hạn chế tối thiểu ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng thu hút đầu tư theo tiêu chí lựa chọn của tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quy hoạch. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó: Tập trung cao cho công tác giải phóng mặt bằng; đôn đốc các chủ đầu tư và nhà thầu thi công đảm bảo về mặt tiến độ; giám sát chặt chẽ việc triển khai các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường quản lý đất đai, tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở rà soát, đánh giá kỹ hiệu quả thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 11/6/2000 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường thanh tra, kiểm tra để xử lý các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai; Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải môi trường.

- Tập trung cao cho công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong thời gian diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 13 của Đảng và bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, TH_{yendt}.

Bản điện tử:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP HĐND tỉnh.

TM. BAN KINH TẾ VÀ NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Kim Phương

